

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Lê Thị Trúc Phượng

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN
XÉT XỬ PHỨC THẨM CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM
TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE CỦA CON NGƯỜI
TỪ THỰC TIỄN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Lê Thị Trúc Phượng

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN
XÉT XỬ PHỨC THẨM CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM
TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE CỦA CON NGƯỜI
TỪ THỰC TIỄN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chuyên Ngành: Luật Hình Sự và Tố Tụng Hình Sự

Mã số: 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. HOÀNG THỊ MINH SƠN

HÀ NỘI -2018

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tác giả. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Lê Thị Trúc Phượng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ PHÚC THẨM CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE CỦA CON NGƯỜI	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người	7
1.2. Đối tượng, phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người	13
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người	15
Chương 2: THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ PHÚC THẨM CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE CỦA CON NGƯỜI CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	24
2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người	24
2.2. Thực trạng thực hiện quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người	37
Chương 3: GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ PHÚC THẨM CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE CỦA CON NGƯỜI.....	57
3.1. Hoàn thiện pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người.....	57
3.2. Tăng cường biện pháp triển khai thực hiện các quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người.....	59

3.3. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người	62
3.4. Giải pháp khác	66
KẾT LUẬN	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
BLTTHSVN	Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam
KSND	Kiểm nhân dân
KSV	Kiểm sát viên
KSXX	Kiểm sát xét xử
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
THQCT	Thực hành quyền công tố
TTHS	Tố tụng hình sự
TTHSVN	Tố tụng hình sự Việt Nam
VAHS	Vụ án hình sự
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Tình hình thụ lý và giải quyết các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe ở cấp phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh	39
Bảng 2.2. Kết quả giải quyết kháng nghị phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác của Viện cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh	40

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay đòi hỏi phải nâng cao chất lượng hoạt động của Cơ quan tư pháp trong đó việc nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân nói chung và ở giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự nói riêng nhằm đảm bảo truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội... Trong các Nghị quyết của Đảng về Chiến lược cải cách tư pháp các năm gần đây đều đưa việc cải cách tổ chức hoạt động và nâng cao trách nhiệm Viện KSND trong việc thực hiện nhiệm vụ là một trong những nội dung để cải cách, cụ thể: Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về *"Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới"* đề ra yêu cầu hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và suốt trong quá trình tố tụng nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng với luật sư, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác [3]. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về *"Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"* đã chỉ rõ: Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp...[5].

Trong lĩnh vực hình sự, Viện kiểm sát là cơ quan tiến hành tố tụng với chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp xuyên suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử với mục đích bảo đảm việc giải quyết các vụ án hình sự có tính căn cứ, đúng quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự. Chức năng THQCT của Viện KSND ở mỗi giai đoạn có vai trò, vị trí quan trọng khác nhau, trong đó khâu công tác THQCT trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự là khâu quyết định của hoạt động tố tụng.

Mặt khác, việc xét xử các vụ án hình sự ở nước ta theo nguyên tắc hai cấp, nếu bản án sơ thẩm chưa đủ thời hạn có hiệu lực mà có kháng cáo, kháng nghị vụ

án sẽ được xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Viện KSND có chức năng THQCT thông qua các hoạt động phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm, tranh luận với người tham gia tố tụng... bảo đảm tính khách quan, chính xác nhất trong phán quyết của Tòa án, bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của con người và của công dân.

Qua xem xét, đánh giá tình hình tội phạm trên địa bàn 23 tỉnh, thành khu vực phía Nam cho nhận thấy tình hình tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp, trong đó tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác có xu hướng gia tăng tính bạo lực, tính man rợ, tính chuyên nghiệp, sử dụng phương thức, thủ đoạn tinh vi, vũ khí nguy hiểm, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác gây mất trật tự an ninh xã hội, làm hoang mang lo lắng, bất bình trong nhân dân. Liên quan đến việc xử lý nhóm tội này, Viện KSND đã thực hiện tốt việc đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, tình trạng sai vẫn còn tồn tại bởi nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, nên điều cần thiết là phải nghiên cứu quá trình thực hiện việc THQCT đối với các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác những năm gần đây trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, trên cơ sở đánh giá lại ưu, khuyết điểm và đặt ra các giải pháp để khắc phục các khuyết điểm yếu kém đó, nhất là việc xét xử sai nhằm xây dựng một nền công tố mạnh, đủ sức hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Do đó, tác giả chọn vấn đề *“Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh”* để nghiên cứu làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Từ khi Bộ luật TTHS năm 2003 có hiệu lực đến nay, vấn đề THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm được nhiều nhà khoa học pháp lý cũng như những người làm công tác thực tiễn quan tâm, nghiên cứu trên nhiều phương diện, phạm vi và cách tiếp cận khác nhau, có thể kể ra một vài công trình nghiên cứu như:

Sách chuyên khảo *“Tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm”* do TS. Dương Thanh Biểu chủ biên, xuất bản năm 2008. Cuốn sách này, đề cập đến một số vấn đề

pháp lý của xét xử phúc thẩm, vị trí của Kiểm sát viên trong xét xử phúc thẩm ở nước ta cũng như một số nước trên thế giới và chủ yếu tập trung vào vấn đề tranh luận với luật sư, nhấn mạnh về trách nhiệm công tố trong hoạt động xét xử phúc thẩm và các kỹ năng cần thiết để thực hiện trách nhiệm công tố đó [2].

Luận văn thạc sĩ luật học năm 2009: *“Chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên Viện KSND tối cao trong xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự ở Việt Nam”* của tác giả Hà Như Khuê. Từ việc nêu các tiêu chí đánh giá và các yếu tố bảo đảm về chất lượng THQCT, luận văn này đã xem xét, đánh giá thực trạng và đưa ra các giải pháp bảo đảm chất lượng THQCT của Kiểm sát viên Viện KSND tối cao trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự do Tòa án sơ thẩm cấp tỉnh xét xử có kháng cáo, kháng nghị [18].

Luận văn thạc sĩ luật học năm 2012 về *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Viện KSND”* của tác giả Nguyễn Thị Lan Hương. Luận văn này chủ yếu tập trung làm sáng tỏ vấn đề lý luận và thực tiễn về THQCT và kiểm sát xét xử trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự [15].

Luận văn thạc sĩ luật học năm 2017 về *“Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Định”* của tác giả Võ Thị Hoàng Ly. Luận văn này trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn thực hành quyền công tố đối với nhóm tội xâm phạm sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Định [17].

Bên cạnh đó, còn nhiều bài viết, bài nghiên cứu, chuyên đề của các tác giả được đăng trên các tạp chí khoa học pháp lý liên quan đến công tác THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự. Tuy nhiên, phần lớn đều nghiên cứu về mặt lý luận của chức năng THQCT và KSXX trong giai đoạn xét xử phúc thẩm như: *“Một số vấn đề về quyền công tố”* của Tiến sĩ Trần Văn Độ, *“Những vấn đề tồn tại trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hình sự và những kiến nghị hoàn thiện”* của TS. Dương Ngọc Ngưu (Tạp chí TAND, số 11/2000 và số 01 năm

2001); “Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp và xây dựng ngành kiểm sát nhân dân” (Tạp chí Viện kiểm sát, số 14 năm 2011) “Nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm vụ án hình sự” của tác giả Vũ Đức Thành (2010), “Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm” của tác giả Nguyễn Huy Tiến (2004)... Cho đến nay các công trình nào nghiên cứu trực tiếp và cụ thể đến thực trạng THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đối với nhóm tội cụ thể trên địa bàn nhất định vẫn còn rất hạn chế. Vì vậy, việc người viết nghiên cứu về vấn đề THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có khu vực quản lý là 23 tỉnh, thành phía Nam, từ đó tìm ra những khuyết điểm, đưa ra giải pháp khắc phục sẽ có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn đối với việc thực hiện nhiệm vụ của ngành KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và ngành KSND nói chung.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận của các công trình nghiên cứu trước đây và thành quả của quá trình tự nghiên cứu, luận văn đi sâu vào đánh giá thực trạng về THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm về các tội xâm phạm sức khỏe của người khác trên địa bàn 23 tỉnh, thành khu vực phía Nam do Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, từ đó đề xuất một số giải pháp cơ bản nhất nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và nâng cao chất lượng công tác THQCT của Kiểm sát viên trong giai đoạn này, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp đang đề ra hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Những nhiệm vụ cụ thể luận văn phải thực hiện để làm rõ mục đích nghiên cứu nêu trên là:

- Nghiên cứu, làm rõ lý luận công tác THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác;
- Phân tích quy định của pháp luật, những yếu tố ảnh hưởng đến công tác

THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác;

- Đánh giá thực trạng công tác THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác ở các tỉnh phía nam, nêu những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra những khuyết điểm chủ quan, tồn tại khách quan liên quan đến tình trạng xét xử còn xảy ra sai phạm.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn này là lý luận, quy định của pháp luật về hoạt động THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn thực hiện tại Viện KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề liên quan đến công tác THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác từ năm 2013 đến năm 2017 trên địa bàn 23 tỉnh khu vực phía Nam.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài được nghiên cứu trên nền tảng lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; đường lối quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về chính sách hình sự, vấn đề cải cách tư pháp trong việc bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, người viết đã sử dụng các phương pháp cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp so sánh và đối chiếu, phương pháp thống kê... để làm sáng tỏ những vấn đề cần nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, góp phần hoàn thiện hơn kiến thức của mọi người nói chung và những người làm công tác THQCT trên thực tiễn nói riêng đối với công tác này của Viện KSND.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm phong phú thêm nguồn tài liệu tham khảo về pháp luật tố tụng hình sự hiện nay. Bên cạnh đó, khi áp dụng trên thực tiễn sẽ tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác THQCT ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác tại địa bàn 23 tỉnh, thành khu vực phía Nam, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng giải quyết án oan, sai, tạo niềm tin của nhân dân vào Viện kiểm sát và các cơ quan tư pháp.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người.

Chương 2: Thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người của Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Giải pháp bảo đảm thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người.

Chương 1

LÝ LUẬN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ PHÚC THẨM CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE CỦA CON NGƯỜI

1.1. Khái niệm, đặc điểm thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người

1.1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người

Theo Từ điển tiếng Việt thì “Công tố là truy tố, buộc tội bị cáo và phát biểu ý kiến trước Tòa án, nhân danh Nhà nước” [36]. Từ điển Luật học định nghĩa: “Quyền công tố là quyền buộc tội nhân danh Nhà nước đối với người phạm tội” [46]. Như vậy có thể hiểu, quyền công tố là cái quyền thay mặt Nhà nước để buộc tội và luận tội bị cáo ra trước Tòa án về hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong khoa học pháp lý, công tố là một quyền: Quyền công tố hình thành với tư cách là trách nhiệm của Nhà nước đối với xã hội nhằm xử lý tội phạm bảo đảm trật tự xã hội, quyền này được thực hiện xuyên suốt từ việc khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Từ khi có quyền công tố thì Nhà nước là chủ thể duy nhất được thực hiện, quyền công tố không còn là nhiệm vụ của tư nhân trong việc khởi tố và điều tra, trong việc truy tố và xét xử nữa. Xuyên suốt quá trình đó là hoạt động chứng minh tội phạm của cơ quan được giao chức năng thực hành quyền công tố. Quyền công tố là một trong những quyền thuộc quyền lực của Nhà nước và quyền này gắn với bản chất mỗi kiểu nhà nước sẽ có những đặc điểm khác nhau. Quyền công tố chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự và thông thường quyền này thường được giao cho một cơ quan nhà nước chuyên trách. Khi có tội phạm xảy ra, Cơ quan này trong quá trình thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự với người phạm tội phải có trách nhiệm bảo đảm việc thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội. Khi có đủ tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội, cơ quan Công tố sẽ quyết định việc truy tố bị can ra trước Tòa án và bảo vệ quan điểm buộc tội trước phiên tòa. Do vậy, phạm vi của quyền công tố bắt đầu

từ khi có tội phạm xảy ra và kết thúc khi có bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị. Đối tượng của quyền công tố là hành vi phạm tội của bị can, bị cáo và nội dung của quyền công tố là sự buộc tội đối với họ.

Tóm lại, xuất phát từ các căn cứ lý luận được phân tích ở trên, theo tác giả: Quyền công tố là quyền lực công được Nhà nước trao cho cơ quan nhà nước thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội về tội phạm mà người đó đã thực hiện và bảo vệ việc truy tố trước Tòa án.

Cụm từ “thực hành quyền công tố” lần đầu tiên xuất hiện trong Hiến pháp năm 1980 khi đề cập đến chức năng của Viện KSND tại Điều 138, và được nhắc lại ở các Điều 1 và 3 Luật tổ chức Viện KSND năm 1981. Kể từ đó, đã có nhiều tài liệu, bài viết bàn về quyền công tố và thực hành quyền công tố. Qua đó, đã đưa ra rất nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm của quyền công tố và thực hành quyền công tố, mỗi quan điểm có cách thể hiện và lập luận khác nhau. Có quan điểm coi quyền công tố là một quyền năng, một hình thức thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS, có quan điểm coi quyền công tố là quyền của Viện kiểm sát truy tố kẻ phạm tội ra Tòa án và thực hiện việc buộc tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm hoặc có quan niệm coi quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

Trong ba quan điểm được nêu ra ở trên, quan điểm thứ ba có lẽ phù hợp nhất, bởi vì quan điểm này xác định đúng đắn nhất về bản chất quyền công tố - một loại quyền lực công thuộc về Nhà nước, bắt nguồn từ nhu cầu phải duy trì trật tự xã hội bằng pháp luật và Nhà nước giao cho Viện kiểm sát thực hiện quyền này. Các quan điểm còn lại hoặc quá rộng khi đánh đồng cả quyền công tố và chức năng kiểm sát, hoặc quá hẹp khi cho rằng thực hành quyền công tố kết thúc khi hoàn thành thực hiện việc buộc tội tại phiên tòa sơ thẩm. Từ quan điểm thứ ba có thể suy luận, thực hành quyền công tố sẽ là việc Viện kiểm sát nhân danh Nhà nước thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết để truy cứu TNHS đối với người thực hiện hành vi phạm tội xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án.

Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 quy định từ Mục 2 đến Mục 4, từ Điều 14 đến Điều 21 về việc thực hiện chức năng THQCT và KSXX của Viện KSND thông qua các công tác cụ thể trong giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; khởi tố, điều tra vụ án hình sự; truy tố tội phạm; xét xử vụ án hình sự; điều tra một số loại tội phạm và trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự. Mỗi giai đoạn, nội dung quyền công tố mà Nhà nước giao cho Viện kiểm sát là khác nhau. Xét xử phúc thẩm là một giai đoạn tố tụng luật định nhằm kiểm tra lại tính có căn cứ hoặc tính hợp pháp của bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị (Điều 330BLTTHS 2015). Thông qua thủ tục phúc thẩm, cấp phúc thẩm có nhiệm vụ sửa chữa những sai sót trong việc áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm. Tại Điều 330 BLTTHS 2015 cũng khẳng định xét xử phúc thẩm là cấp xét xử thứ hai, thể hiện rõ nguyên tắc hai cấp xét xử của BLTTHS, khác hẳn với thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm chỉ là thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Theo từ điển tiếng Việt thì “thực hành” có nghĩa là “làm để áp dụng lý thuyết vào thực tiễn”, “thực hành” cũng đồng nghĩa với “thực hiện” [32]. Để thực hiện quyền công tố thì Viện kiểm sát phải sử dụng các quyền năng thuộc nội dung quyền công tố trong suốt quá trình tiến hành tố tụng đối với vụ án. Từ đó, tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng: “Thực hành quyền công tố là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử. Nội dung quyền công tố là sự buộc tội của Nhà nước đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội [20, tr.10]. Những hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người là xâm phạm vào quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người là những hành vi có lỗi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến khách thể là quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, vốn quý của con người, được luật hình sự bảo vệ.

Đối tượng tác động của các tội phạm này là người đang sống, đang tồn tại với tư cách là thực thể tự nhiên và chủ thể xã hội [20, tr.11]. Như vậy, *các tội xâm*

phạm tính mạng, sức khỏe của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người khác được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận, bảo vệ.

Thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của con người là việc Viện kiểm sát sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý để thực hiện việc buộc tội của nhà nước, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của người khác, được thực hiện từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật [20, tr.14].

Tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm là Tòa án cấp trên trực tiếp của Tòa án đã xét xử sơ thẩm mà có bản án hình sự bị kháng cáo kháng nghị. Cụ thể: nếu bản án do TAND cấp tỉnh xét xử sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị, sẽ do TAND cấp tỉnh xét xử phúc thẩm; nếu bản án do TAND cấp tỉnh xét xử sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị sẽ do TAND cấp cao xét xử phúc thẩm. Theo đó, Viện KSND cấp tỉnh và Viện KSND cấp cao cũng là hai cơ quan có nhiệm vụ THQCT tương ứng trong xét xử phúc thẩm vụ án hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của Kiểm sát viên cùng cấp là điều bắt buộc, trong trường hợp vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa, cho dù sự vắng mặt đó có hoặc không có lý do chính đáng. Kiểm sát viên có mặt tại phiên tòa phúc thẩm để thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng THQCT và KSXX, trong đó Kiểm sát viên sẽ THQCT thông qua các hành vi tố tụng như xét hỏi, xem xét vật chứng, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng... nhằm bảo đảm các sự thật khách quan của vụ án

được sáng tỏ, tạo ra tiền đề hợp lý để giúp phán quyết của Tòa án được ban hành một cách công minh nhất.

Từ những khái niệm chung về tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác và THQCT trong xét xử phúc thẩm đã nêu ở trên, có thể đưa ra khái niệm sau:

Thực hành quyền công tố trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng, sức khỏe của con người mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với họ bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật, đảm bảo không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội.

1.1.2. Đặc điểm thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người

Để thực hiện tốt hoạt động THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, bên cạnh việc nắm vững khái niệm của công tác THQCT còn phải xác định được những đặc điểm riêng biệt và chủ yếu của hoạt động này:

Thứ nhất, THQCT là nhân danh Nhà nước trong hoạt động truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Nên hoạt động THQCT không phải là hoạt động mà bất cứ tổ chức, cá nhân nào cũng được thực hiện. Trong các chế định pháp luật tại Việt Nam, chỉ quy định Viện KSND là cơ quan duy nhất có chức năng THQCT trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử phúc thẩm của vụ án hình sự nói riêng.

Thứ hai, giữa hoạt động THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp vừa có tính độc lập tương đối, vừa liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại, bổ sung cho nhau; giữa chúng có một số nội dung xâm nhập, đan xen lẫn nhau không thể tách rời... tạo nên sự thống nhất trong chức năng của Viện kiểm sát. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, khác với công tác THQCT, ở công tác KSXX phúc thẩm, Viện kiểm sát sẽ thực hiện việc nghiên cứu hồ sơ có kháng cáo hoặc bị kháng nghị; tại phiên tòa

phúc thẩm Kiểm sát viên sẽ kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử về việc thực hiện các thủ tục tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật; sau phiên tòa xét xử phúc thẩm Kiểm sát viên sẽ kiểm sát bản án phúc thẩm để đề xuất kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm nếu cần thiết hoặc tập hợp vi phạm để kiến nghị. Hoạt động THQCT và KSXX phúc thẩm có mối quan hệ tác động lẫn nhau, cái này là có lúc là tiền đề hoặc cũng là kết quả của cái kia, như nếu trước phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên nghiên cứu kỹ hồ sơ thì sẽ là tiền đề cho việc phát biểu quan điểm chính xác, đúng luật của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Như vậy, Viện kiểm sát phải luôn tiến hành cả hai hoạt động này đan xen lẫn nhau trong suốt quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

- *Thứ ba*, hoạt động đánh giá chứng cứ khi THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác chủ yếu thông qua việc nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản ghi lời khai của bị can, bị cáo, kết luận giám định pháp y, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh của vật chứng, bản án hình sự sơ thẩm, biên bản phiên tòa hình sự sơ thẩm. Trước khi mở phiên tòa, thông qua các tài liệu trên, Kiểm sát viên THQCT nắm một cách khái quát nhất về diễn biến hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, những chứng cứ mà cấp sơ thẩm đã viện dẫn để đánh giá việc phạm tội của bị cáo, việc tiếp xúc trực tiếp để xét hỏi bị cáo thường chỉ được thực hiện tại phiên tòa. Trong loại tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, nhất là tội cố ý gây thương tích hoặc làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác thường có đông người tham gia, công cụ, phương tiện phạm tội đa dạng, có nhiều người làm chứng khai báo khác nhau, nên việc đánh giá chứng cứ đối với tội này khá khó khăn, phụ thuộc nhiều vào độ chính xác của các chứng cứ, tài liệu ở cấp sơ thẩm, nhất là kết luận giám định tỷ lệ thương tật, giám định pháp y và cơ chế hình thành vết thương, nguyên nhân tử vong bởi phần lớn, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe người khác đều có cấu thành tội phạm vật chất nên hậu quả thiệt hại về tính mạng, sức khỏe là dấu hiệu bắt buộc.

- *Thứ tư*, việc xác định quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả của các tội

phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác phải dựa vào kết quả giám định pháp y của các cơ quan chuyên môn. Đặc điểm của tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác là xử lý dựa trên kết quả giám định việc thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tuy nhiên những thiệt hại về này có thể do hành vi phạm tội gây ra, cũng có thể do lỗi khi sơ cấp cứu hoặc chuyên môn của các bác sỹ, y tá trong quá trình điều trị. Do đó, đối với các vụ án về loại tội phạm này thực tế đến giai đoạn phúc thẩm xảy ra nhiều trường hợp kêu oan, bị cáo cho rằng mình không phạm tội mà do kết quả giám định ra tỷ lệ thương tật cao hơn thực tế, hành vi của bị cáo không phải là nguyên nhân chính dẫn đến tử vong hoặc bị hại cho rằng xử bị cáo như thế là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất hành vi hoặc chưa đúng luật vì kết quả giám định ra tỷ lệ thương tật thấp hơn thực tế và đều yêu cầu giám định lại. Nên khi THQCT đối với nhóm tội này tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Kiểm sát viên cần phải thực sự nắm rõ được hồ sơ vụ án, xem xét kỹ các kết luận giám định có phù hợp với thực tế hiện trường và có quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội hay không để đưa ra quan điểm giải quyết vụ án đúng đắn.

- Thứ năm, dưới góc độ chức năng tố tụng, thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe con người là thực hiện chức năng buộc tội của nhà nước đối người phạm tội nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội [20, tr.20].

1.2. Đối tượng, phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người

- Đối tượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người.

BLTTHS 2015 có hiệu lực đã tiếp tục ghi nhận nguyên tắc “Hai cấp xét xử” của BLHS 2003. Quy định này khẳng định tính chất của giai đoạn xét xử là Tòa án thực hiện chế độ hai cấp xét xử, phù hợp với thông lệ chung của Quốc tế và Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị mà Việt Nam đã tham gia ký kết, nhằm bảo đảm tính có căn cứ và tính hợp pháp của bản án và quyết định của Tòa án. Từ khi bản án hoặc quyết định của Tòa cấp sơ thẩm được ban hành, pháp luật

dành một khoảng thời gian nhất định để Viện kiểm sát thể hiện quan điểm của mình bằng văn bản kháng nghị và những người có liên quan đến vụ án làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án. Theo thủ tục phúc thẩm, tại phiên tòa xét xử lại vụ án phải có mặt của Kiểm sát viên để bảo vệ kháng nghị của mình (nếu có) hoặc đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Từ những luận điểm trên, có thể thấy đối tượng tác động của xét xử phúc thẩm vụ án hình sự là những bản án, quyết định hình sự của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, đó cũng chính là đối tượng tác động của hoạt động THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự của Viện kiểm sát.

Như vậy người viết cho rằng: đối tượng tác động của THQCT trong xét xử phúc thẩm các tội về xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác là những bản án, quyết định hình sự về tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật hình sự.

- Phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người.

Khi một hành vi phạm tội được thực hiện, bản phận của cơ quan công tố là phải tiến hành ngay các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật nhằm phát hiện tội phạm và người phạm tội, xác định căn cứ để kết tội họ. Tuy nhiên, trên thực tế việc phát hiện khởi tố các vụ án hình sự của cơ quan có thẩm quyền không thể bao trùm hết các tội phạm đã xảy ra, số lượng các vụ án không được phát hiện, khởi tố vẫn chiếm một số lượng nhất định trong đời sống xã hội. Như vậy, thực tế thực hành quyền công tố có phạm vi hẹp hơn quyền công tố. Thời điểm phát sinh hoạt động THQCT là thời điểm Viện kiểm sát sử dụng các quyền năng pháp lý truy cứu TNHS đối với người phạm tội sau khi vụ án được phát hiện và xác định có dấu hiệu tội phạm. Còn thời điểm kết thúc hoạt động này khi vụ án bị đình chỉ hoặc khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Xét xử phúc thẩm được xem là giai đoạn cuối cùng của việc giải quyết vụ án, nếu sau xét xử sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị, vì bản án, quyết định phúc thẩm

sau khi được tuyên có hiệu lực pháp luật ngay. Thời điểm phát sinh hoạt động THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm sẽ muộn hơn thời điểm phát sinh hoạt động THQCT, nó được bắt đầu từ khi bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị và kết thúc kể từ khi Tòa phúc thẩm ra bản án phúc thẩm hoặc quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Vì vậy, phạm vi THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác là từ khi những bản án, quyết định hình sự về tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị đến khi kết thúc quá trình xét xử phúc thẩm bằng một bản án hoặc quyết định.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người

1.3.1. Sự hoàn thiện các văn bản pháp luật

Một trong những yêu cầu của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, chính là sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật. Khi áp dụng pháp luật nói chung, áp dụng pháp luật đối với hoạt động THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác nói riêng, các Kiểm sát viên phải áp dụng các quy định của pháp luật TTHS, pháp luật hình sự và hệ thống các văn bản pháp luật khác có liên quan nhằm đưa ra quan điểm đúng đắn nhất về việc giải quyết vụ án, bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, đúng chính sách pháp luật. Chính vì vậy, nếu hệ thống pháp luật có liên quan đến hoạt động THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác không hoàn thiện, thì dẫn đến việc áp dụng không thống nhất giữa các nơi, chất lượng áp dụng pháp luật sẽ không cao. Điều cần thiết nhất đặt ra là phải có sự đảm bảo về mặt pháp lý, bao gồm sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật thực định, sự hoàn thiện của cơ chế thực hiện và áp dụng pháp luật của cán bộ, Kiểm sát viên Ngành Kiểm sát.

Tiếp cận pháp luật từ góc độ Nhà nước pháp quyền, có thể nhận diện được một số yêu cầu sau đây đối với hệ thống pháp luật nói chung chủ yếu dựa trên các

tiêu chí về tính ổn định, tính chuẩn mực, tính hệ thống, tính không hồi tố và tính minh bạch của pháp luật. Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 nhận định “nhìn chung hệ thống pháp luật nước ta vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống [4]. Cơ chế xây dựng, sửa đổi pháp luật còn nhiều bất hợp lý và chưa được coi trọng đổi mới, hoàn thiện. Tiến độ xây dựng luật và pháp lệnh còn chậm, chất lượng các văn bản pháp luật chưa cao. Việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên chưa được quan tâm đầy đủ. Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế. Thiết chế bảo đảm thi hành pháp luật còn thiếu và yếu”. Hệ thống pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự của nước ta hiện nay cũng không nằm ngoài các những nhận định trên và có thể nhìn nhận một cách cụ thể nhất qua một số tiêu chí sau:

- Tính ổn định của pháp luật: Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của pháp luật hình sự, TTHS và các pháp luật có liên quan ở nước ta có thể thấy rằng nhiều văn bản pháp luật có tuổi thọ ngắn, thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung sau khi ban hành vì một số điều luật chưa đầy đủ hoặc trở nên “lạc hậu” để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Pháp luật thường xuyên bị thay đổi sẽ dẫn đến những khó khăn trong việc áp dụng, thực hiện pháp luật của cán bộ, Kiểm sát viên. Thực tiễn cho thấy xuyên suốt quá trình công tác của nhiều cán bộ THQCT phải trải qua từ 03 đến 04 lần sửa đổi, bổ sung của một văn bản pháp luật dẫn đến việc mất nhiều thời gian nghiên cứu và tìm hiểu, không cập nhật kịp thời dẫn đến áp dụng những quy định cũ, những điều đó sẽ làm pháp luật chậm thực hiện, thực hiện sai quy định, vi phạm pháp luật. Ví dụ điển hình, BLTTHS trong khoảng thời gian 25 năm đã phải trải qua 05 lần sửa đổi, bổ sung (1990, 1992, 2000, 2003, 2015).

- Tính hệ thống của pháp luật: Pháp luật phải có tính nhất quán, thể hiện ở chỗ các loại văn bản pháp luật trong cùng một lĩnh vực, có khi trong nhiều lĩnh vực khác nhau đều phải bảo đảm thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể. BLHS, BLTTHS hiện nay vẫn còn nhiều quy định chưa cụ thể cần đến các văn bản

giá trị thấp hơn hướng dẫn áp dụng thi hành, tuy nhiên các văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn BLHS, BLTTHS đôi khi chưa thực sự tạo thành một chỉnh thể với những nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt hay còn gây khó khăn hơn trong quá trình thực hiện, thực sự chưa tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, cũng như gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực thi pháp luật.

- Tính minh bạch: Pháp luật phải đảm bảo rõ ràng, chính xác, dễ hiểu. Một hệ thống pháp luật khó hiểu, khó vận dụng và chứa đựng những mâu thuẫn nội tại sẽ khiến các chủ thể cán bộ, Kiểm sát viên lúng túng khi thực hiện hay áp dụng pháp luật. Chẳng hạn điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS 1999 quy định về “Dùng hung khí nguy hiểm” được hiểu là dùng vũ khí hoặc phương tiện nguy hiểm [33]. Tuy nhiên ở một số điều luật khác của BLHS quy định “sử dụng vũ khí, phương tiện nguy hiểm” như tại điểm d khoản 2 Điều 133 tội “Cướp tài sản”, việc sử dụng các thuật ngữ pháp lý ở các điều luật không thống nhất, kèm theo việc các văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng, cụ thể sẽ dẫn đến những cách hiểu và áp dụng khác nhau trên thực tiễn, đặc biệt gây mâu thuẫn trong quá trình áp dụng pháp luật của các cơ quan tư pháp, thậm chí giữa những cán bộ trong cùng ngành tư pháp với nhau.

Cuối cùng, việc xây dựng pháp luật hình sự chưa gắn với quản lý thi hành pháp luật nên có một số điều luật quy định xa rời thực tiễn, không những không phản ánh đầy đủ thực tại, mà còn khó có khả năng dự báo, đi trước sự phát triển của quan hệ xã hội. Tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật hình sự mà không quản lý công tác phòng chống tội phạm, xử lý tội phạm, giáo dục phạm nhân... thì khó có được một chính sách hình sự hoàn chỉnh, ổn định tình hình trật tự xã hội.

Pháp luật hình sự, TTHS không chỉ liên quan đến hoạt động của các cơ quan tư pháp mà còn có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội, đến quyền con người, quyền công dân. Trong tiến trình cải cách tư pháp hiện nay ở nước ta, đang đặt ra những yêu cầu cấp thiết đối với việc hoàn thiện các quy định pháp luật về giải quyết các vụ án hình sự như: cần quy định hợp lý hơn chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan tố tụng để phát hiện chính xác, kịp thời mọi tội phạm và

người phạm tội; thiết lập các cơ chế giám sát hiệu quả đối với quá trình tiến hành tố tụng, nhất là cơ chế giám sát của Viện kiểm sát; khắc phục những bất cập trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay; có cơ chế bảo vệ tốt hơn quyền của bị cáo, tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư tham gia tố tụng, thực hiện việc tranh tụng dân chủ tại phiên tòa... Nếu pháp luật được hoàn thiện đáng kể sẽ kéo theo một nền pháp lý dân chủ, công bằng, nghiêm minh, bảo vệ công lý, đáp ứng ngày càng cao hơn yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

1.3.2. Năng lực đội ngũ cán bộ Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người

Nguồn nhân lực luôn là một trong những vấn đề cốt lõi, quyết định chất lượng hiệu quả trong việc thực hiện chức năng của ngành KSND. Theo đó, một trong những yếu tố vô cùng quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác là năng lực đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác THQCT. Đặc biệt, đối với án mà Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết mang tính chất rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, nhiều vụ án có mức hình phạt là chung thân, tử hình và yêu cầu đối với người THQCT các vụ án này phải là Kiểm sát viên cao cấp, có ít nhất 15 năm công tác trong ngành với quy định nghiêm ngặt về việc tuyển chọn và bổ nhiệm.

Viện cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định công tác đào tạo bồi dưỡng năng lực đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên là một trong những nhiệm vụ cơ bản và lâu dài. Qua các năm, đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên ngày càng được tăng cường về số lượng, nâng cao về chất lượng do hàng năm Viện KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đều cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Ngành và tiếp nhận các cán bộ, kiểm sát viên từ địa phương đã có nhiều năm công tác trong ngành để bổ sung biên chế cũng như củng cố lực lượng. Bên cạnh đó, cùng với việc nâng cao về mặt chuyên môn, nghiệp vụ, Viện KSND cấp

cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quan tâm, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên vững vàng về lập trường chính trị, thực hiện nghiêm túc tiêu chuẩn, đạo đức, lối sống theo lời dạy của Bác Hồ đối với cán bộ kiểm sát “Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”, để mỗi cán bộ, Kiểm sát viên đều có tinh thần trách nhiệm, có bản lĩnh nghề nghiệp, có tinh thần đấu tranh bảo vệ công lý, không làm trái pháp luật.

Liên quan đến đội ngũ làm công tác THQCT trong xét xử cấp sơ thẩm tại 23 Viện KSND tỉnh, thành phố hầu như các Kiểm sát viên đều vừa làm công tác THQCT trong giai đoạn điều tra, vừa làm công tác THQCT trong giai đoạn xét xử nên hầu hết các vụ án hình sự được nắm bắt xuyên suốt. Tuy nhiên, ở các Viện KSND cấp tỉnh số lượng Kiểm sát viên còn thiếu, có nơi Kiểm sát viên cũng đồng thời là Lãnh đạo đơn vị, phải vừa đảm nhận công tác THQCT vừa làm công tác chỉ đạo điều hành.

Viện KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đổi mới kiện toàn, củng cố bộ máy, xây dựng và không ngừng hoàn thiện các quy chế quản lý và quy chế nghiệp vụ, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổ chức cán bộ đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Tuy nhiên, do vấn đề đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên chưa ổn định thường xuyên có thay đổi tự nhiên như luân chuyển công tác, nghỉ hưu, chuyển ngành và đặc biệt là số lượng kiểm sát viên cao cấp còn quá ít so với số lượng án cần giải quyết... nên vẫn cần một tầm nhìn tổ chức, quản lý về việc bố trí, sắp xếp nhân sự phù hợp khi có những thay đổi tự nhiên trong đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên để hoàn thành tốt các công việc của Ngành, đáp ứng lại niềm tin của nhân dân.

1.3.3. Các yếu tố khác

- Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Viện kiểm sát

Với đặc thù của ngành kiểm sát hoạt động theo các chế độ thủ trưởng, khi THQCT trong xét xử phúc thẩm Kiểm sát viên chịu sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Viện trưởng Viện KSND mỗi cấp và chịu sự chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng Viện KSND tối cao. Trách nhiệm cơ bản của Lãnh đạo Viện kiểm sát là phải

bảo đảm cho hoạt động đúng hướng, có sự phối kết hợp hài hòa giữa các bộ phận riêng lẻ hay các cá nhân trong đơn vị, cần nắm rõ năng lực của từng cán bộ, Kiểm sát viên trong đơn vị mà có sự sắp xếp, bố trí cũng như triển khai công việc có hiệu quả và khai thác được tối đa sức mạnh tiềm năng của mỗi cá nhân.

Điều 41 BLTTHS 2015 đã quy định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát trong cả hoạt động chỉ đạo, điều hành và hoạt động THQCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động TTHS. Theo đó, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phải có cách thức để phát huy trí tuệ tập thể trong việc giải quyết những vấn đề phức tạp, vướng mắc hoặc còn có nhiều ý kiến khác nhau trong vụ án, qua đó Kiểm sát viên được phân công có thể nắm chắc nội dung vụ án cũng như các căn cứ pháp luật để làm tốt công tác THQCT tại phiên tòa. Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng phải sâu sát, linh hoạt trong quá trình điều hành, thường xuyên nắm bắt được khối lượng công việc, mức độ phức tạp của công việc, yêu cầu của công việc phải thực hiện trong từng thời gian cụ thể để đôn đốc cán bộ, công chức trong đơn vị thực hiện. Trong công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm án hình sự, Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng cần thực hiện các công việc quản lý cụ thể quyết định ban hành hoặc không ban hành kháng nghị phúc thẩm theo đề xuất của Kiểm sát viên, phân công Kiểm sát viên THQCT tại phiên tòa phù hợp với năng lực trình độ chuyên môn, duyệt đường lối giải quyết vụ án của Kiểm sát viên trước khi ra phiên tòa, cũng như dự liệu các tình huống có thể phát sinh trong quá trình tranh tụng tại tòa... Trong đó, việc lựa chọn phân công Kiểm sát viên giữ quyền công tố đối với những vụ án cụ thể là rất quan trọng. Để làm tốt công việc này người lãnh đạo phải nắm được năng lực, khả năng cũng như những hạn chế, nhược điểm của từng Kiểm sát viên để có thể phân công trong những vụ án cụ thể nhằm bảo đảm việc giải quyết án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Chất lượng THQCT trong giai đoạn điều tra ở cấp sơ thẩm.

Mô hình tố tụng hình sự nước ta hiện nay chủ yếu được vận hành theo mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn có vận dụng yếu tố tranh tụng khi tiến hành xét xử các vụ án hình sự. Theo mô hình tố tụng thẩm vấn thì việc điều tra, thu thập chứng

cứ vẫn là cơ sở quan trọng để đánh giá, xem xét, xác định người phạm tội, tội phạm mà họ đã thực hiện hoặc các tình tiết khác có liên quan đến việc xử lý vụ án, bị can. Tuy thực tiễn xét xử cho thấy quá trình thẩm vấn công khai và kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa đã làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề cần được chứng minh trong vụ án, nhưng việc phán quyết của Tòa án có sự khác biệt và khác biệt lớn với kết quả điều tra, thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án là không nhiều và chiếm tỷ lệ thấp. Có thể nói căn cứ để kết luận một người phạm tội, tội danh, có bao nhiêu hành vi phạm tội, có hay không đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, yêu cầu đền bù dân sự, các nhân chứng chứng minh tội phạm... về cơ bản đều được điều tra, thu thập, phản ánh trong hồ sơ vụ án. Có thể kết luận, thân phận con người dưới góc độ pháp luật hình sự về cơ bản đã được xác lập từ giai đoạn này. Qua đánh giá thực trạng nêu trên cho thấy, hầu hết vụ, việc để xảy ra sai phạm nêu trên đều hình thành từ giai đoạn điều tra.

Vì vậy việc điều tra thu thập chứng cứ và THQCT, kiểm sát điều tra các vụ án hình sự có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, tránh việc xử lý oan, sai, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình THQCT trong xét xử các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác ở cấp phúc thẩm.

Các yếu tố xã hội ở khu vực 23 tỉnh, thành khu vực phía Nam

Khu vực các tỉnh miền Nam có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, với điều kiện thổ nhưỡng tự nhiên thuận lợi cho cả sự phát triển nông nghiệp và công nghiệp, kinh tế và tập trung nhiều sự đầu tư cả trong và ngoài nước. Trong những năm gần đây, đời sống vật chất của người dân khu vực phía Nam được đánh giá là nâng lên đáng kể. Nền kinh tế, công nghiệp và dịch vụ đều phát triển mạnh mẽ, các công trình công cộng ngày càng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, các vấn đề an sinh xã hội đã cải thiện so với trước đây. Cùng với sự phát triển chung của khu vực này bên cạnh những yếu tố tích cực cũng nảy sinh không ít những vấn đề tiêu cực, tệ nạn xã hội. Số lượng dân nhập cư từ nhiều nơi trên đất nước cũng như người nước ngoài tập trung vào khu vực phía Nam, đặc biệt là những địa phương có nền kinh tế công nghiệp phát triển mạnh như

Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương... dẫn đến khó khăn trong việc quản lý nhân khẩu và tình hình dân cư ngày càng đa dạng, phức tạp. Một bộ phận người dân bị lôi cuốn vào lối sống hưởng thụ, xem nhẹ đạo đức, nhân cách, ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, thích thể hiện bản thân, sẵn sàng giải quyết mâu thuẫn bằng vũ lực. Một phần của những vấn đề đó là xuất phát từ việc thiếu sự quan tâm, sự quản lý, giáo dục của gia đình, xã hội. Một phần là do công tác phòng ngừa xã hội đạt hiệu quả chưa cao do chưa có sự vào cuộc mang tính đồng bộ của các cấp, các ngành; việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật còn hạn chế về nội dung, phương pháp và hoạt động thực hiện chức năng của các cơ quan tiến hành tố tụng tuy có nhiều cố gắng nhưng chưa thật sự hiệu quả.

Bên cạnh đó, công tác THQCT của cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy trong thời đại thông tin hiện nay, dư luận xã hội có một sức mạnh không nhỏ, nó tác động vào tâm tư, suy nghĩ, hành động của Kiểm sát viên khi THQCT cũng như của Lãnh đạo Viện khi quyết định một vấn đề chỉ đạo, điều hành. Trường hợp dư luận xã hội phản ánh đúng đắn các tình tiết của vụ án, nhận định và bình luận một cách khách quan, không thiên vị để chờ phán quyết của cơ quan tiến hành tố tụng thì ít mà trường hợp cả xã hội sục sôi vì “tin đồn” thì nhiều. Bởi sự thiếu minh bạch, thiếu công khai, thiếu kịp thời của truyền thông chính thống, và việc “nhận phải tin đồn” đã để lại những hậu quả nặng nề trong đời sống tinh thần xã hội, ảnh hưởng đến công tác THQCT, dẫn đến đôi khi việc giải quyết một vụ án dựa nhiều vào dư luận xã hội chứ không phải sự thật khách quan của vụ án.

Kết luận chương 1

Hoạt động THQCT trong xét xử phúc thẩm của Viện KSND là một trong những quyền năng pháp lý quan trọng nhằm đảm bảo cho bản án, quyết định của Tòa án có căn cứ và đúng pháp luật, góp phần đảm bảo pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Để công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm nói chung và THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe

của người khác nói riêng thực sự hiệu quả thì cần phải hiểu rõ được những vấn đề lý luận về công tác này.

Trong chương I, dựa trên cơ sở phân tích khái quát khái niệm về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, người viết đã đưa ra khái niệm, đặc điểm, đối tượng, phạm vi về THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác. Qua đó, thấy được vai trò và sự cần thiết của hoạt động THQCT trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. Bên cạnh việc phân tích các lý luận, người viết còn nêu ra các quy định của pháp luật TTHS, pháp luật hình sự Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 về THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, phân tích làm sáng tỏ các quy định này.

Chương 2

THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ PHÚC THẨM CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE CỦA CON NGƯỜI CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người

Theo quy định của pháp luật thì các hoạt động tố tụng của Kiểm sát viên từ khi nhận được hồ sơ thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm thuộc chức năng KSXX chỉ một phần nhỏ thuộc chức năng THQCT; chức năng THQCT trong xét xử các vụ án hình sự chủ yếu sẽ được thực hiện tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. BLTTHS 2003 không quy định cụ thể về các hoạt động tố tụng mà Kiểm sát viên phải làm khi THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm nên đôi khi gây nhầm lẫn giữa chức năng THQCT và KSXX trong giai đoạn này. Tuy nhiên BLTTHS năm 2015 đã khắc phục việc nhầm lẫn trên tại khoản 2 Điều 266 quy định khi THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Viện kiểm sát có nhiệm vụ quyền hạn: Trình bày ý kiến về nội dung kháng nghị, kháng cáo; Bổ sung chứng cứ mới; Bổ sung thay đổi, rút kháng nghị; rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị; Xét hỏi, xem xét vật chứng; xem xét tại chỗ; Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp; Tranh luận với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc buộc tội theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

Từ các hoạt động này, có thể phân ra hoạt động THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác sẽ được thực hiện trong hai giai đoạn: trước và tại phiên tòa phúc thẩm. Cụ thể:

2.1.1. Hoạt động thực hành quyền công tố trước khi mở phiên tòa phúc thẩm

- Về trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo kháng nghị.

Khác với ngành Tòa án, được Luật quy định hoạt động xét xử là độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, quy định này ngăn cản sự can thiệp của lãnh đạo vào quá trình xét xử của Thẩm phán và Thẩm phán trước khi xét xử sẽ không phải trình bày quan điểm của mình đối với lãnh đạo. Ngành Kiểm sát hoạt động theo nguyên tắc: Thủ trưởng chế; Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên. Do đó, việc trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị hay còn gọi là báo cáo án trình lãnh đạo Viện duyệt trước khi xét xử là điều bắt buộc. Luật không quy định cụ thể về việc Kiểm sát viên trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị trước khi tham gia phiên tòa phúc thẩm như thế nào, mà điều này được thực hiện theo quy định chặt chẽ tại Điều 6 Quy chế 960/2007/QĐ-VKSTC của ngành KSND, theo đó: Trước khi tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm Kiểm sát viên và lãnh đạo đơn vị phải báo cáo Lãnh đạo Viện về việc giải quyết vụ án. Việc báo cáo án phải bằng văn bản ghi rõ lý lịch bị cáo, tóm tắt nội dung vụ án, hành vi phạm tội của từng bị cáo, hệ thống các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, những mâu thuẫn của các tài liệu phương án giải quyết, nội dung kháng cáo, nội dung kháng nghị, khiếu nại, nội dung bản án sơ thẩm, phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát đã giải quyết vụ án; đề xuất đường lối giải quyết vụ án, áp dụng các điều khoản của BLHS để đề nghị mức án cụ thể đối với từng bị cáo và giải quyết phần dân sự trong hình sự (nếu có) [44].

Tại Điều 9 quy chế 505/QĐ-VKSTC của ngành KSND có hiệu lực ngày 01/01/2018 quy định về Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án:

1. Trước khi tham gia phiên tòa xét xử, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát về kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án.

2. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án phải bằng văn bản nêu rõ các nội dung sau: lý lịch bị cáo, tóm tắt nội dung vụ án, hành vi phạm tội của từng bị cáo, hệ thống chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, những mâu thuẫn của các tài liệu, chứng cứ (nếu có), phương án giải quyết, kiến nghị vi phạm trong hoạt động tư pháp (nếu có),

nội dung kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại, nội dung bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm (nếu có), quan điểm của Viện kiểm sát đã giải quyết vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát cấp trên (nếu có), đề xuất đường lối giải quyết vụ án, áp dụng tội danh, điểm, khoản, điều, các biện pháp tư pháp, việc xử lý vật chứng, tài sản, tài liệu, đồ vật liên quan, biện pháp bảo vệ, biện pháp cưỡng chế, thu hồi tài sản, khắc phục hậu quả và những nội dung khác có liên quan đến vụ án theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án được lập theo Mẫu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và lưu hồ sơ kiểm sát. Lãnh đạo Viện kiểm sát phải có ý kiến chỉ đạo, phê duyệt cụ thể vào báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án của Kiểm sát viên [44].

Hiện nay, quy chế 960 đã được thay thế bởi quy chế 505, tuy nhiên, về cơ bản, vẫn đảm bảo nguyên tắc thủ trưởng chế và Kiểm sát viên sau khi nghiên cứu vụ án phải báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ và trình bày quan điểm xử lý vụ án với Lãnh đạo Viện.

Hoạt động trình bày quan điểm về kháng cáo, kháng nghị trên văn bản cụ thể trước khi ra phiên tòa là để đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án cụ thể, bảo đảm đường lối giải quyết được duyệt trước tránh sự tùy nghi của Kiểm sát viên. Thông qua việc trình bày quan điểm về kháng cáo, kháng nghị Kiểm sát viên có dịp kiểm tra, rà soát lại toàn bộ kết quả nghiên cứu vụ án, tổng hợp và đề xuất quan điểm của mình đối với việc giải quyết vụ án: rút, bổ sung, thay đổi kháng nghị; bảo vệ hoặc không bảo vệ kháng nghị; chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo; trường hợp qua nghiên cứu hồ sơ Kiểm sát viên nhận thấy cấp sơ thẩm điều tra còn thiếu nhưng tại cấp phúc thẩm không thể điều tra là rõ được thì đề xuất hủy án để điều tra hoặc xét xử lại. Bên cạnh đó, thông qua việc trình bày quan điểm về kháng cáo, kháng nghị Kiểm sát viên có thể đưa ra những vấn đề còn vướng mắc cần phải thảo luận và xin ý kiến của Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Viện nghiệp vụ và Lãnh đạo Viện [45].

Nội dung trình bày quan điểm về kháng cáo, kháng nghị tùy thuộc vào tính chất, mức độ của từng vụ án mà có phương pháp tổng hợp báo cáo phù hợp. Đối những vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác chỉ kháng cáo, kháng nghị về mức án thì việc báo cáo chủ yếu đi sâu báo cáo về tính chất mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS, trách nhiệm bồi thường, những thiếu sót, vi phạm của cấp sơ thẩm (nếu có), quan điểm của Kiểm sát viên... Riêng đối với những vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác mà bị cáo kêu oan hoặc yêu cầu giám định lại thì nội dung trình bày ý kiến phải hệ thống được những chứng cứ buộc tội, gỡ tội những chứng cứ còn mâu thuẫn nhau việc đánh giá tổng hợp chứng cứ của Kiểm sát viên, những vi phạm về luật hình sự cũng như luật tố tụng hình sự, quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm, những căn cứ pháp luật áp dụng, đặc biệt phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm để có căn cứ khẳng định bị cáo phạm tội hay không phạm tội hoặc cần phải điều tra bổ sung hay điều tra lại.

- Về bổ sung chứng cứ mới

Khoản 1 Điều 353 BLTTHS 2015 quy định “Trước khi xét xử hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của Tòa án bổ sung chứng cứ mới”. Theo đó, có thể hiểu, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xem xét quyết định việc xác minh theo thẩm quyền. Luật pháp đã trao cho Viện kiểm sát cấp phúc thẩm thẩm quyền bổ sung chứng cứ mới mục đích làm sáng tỏ sự thật khách quan về vụ án, tạo điều kiện tốt nhất cho quá trình tranh tụng tại phiên tòa chủ động và có căn cứ. Trước hết, Kiểm sát viên phải trên cơ sở nghiên cứu tổng thể hồ sơ vụ án và đánh giá hệ thống các chứng cứ liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị, xem xét những nội dung chứng cứ còn thiếu cần bổ sung và đề xuất với Lãnh đạo Viện về việc xác minh, bổ sung chứng cứ mới. Thông thường việc xác minh, bổ sung thường sử dụng đối với những vụ án có đơn khiếu nại, phát hiện có dấu hiệu oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm... [45].

Viện KSND cấp cao có thể tự mình hoặc yêu cầu Viện KSND cấp tỉnh điều tra xác minh bổ sung những chứng cứ mới như: hỏi cung bị cáo, lấy lời khai của người có liên quan, tổ chức đối chất, xem xét lại hiện trường để làm rõ những tình tiết của vụ án trong thời hạn xét xử phúc thẩm, việc xác minh phải được Kiểm sát viên ghi biên bản, trong trường hợp cần thiết có thể ghi âm, chụp ảnh, ghi hình để lưu hồ sơ vụ án. Ví dụ: Trường hợp bị cáo khai là dưới 18 tuổi, nhưng qua nhận dạng khuôn mặt, hình thể Kiểm sát viên cho rằng bị cáo đã trên 18 tuổi. Khi xem xét trong hồ sơ Kiểm sát viên nhận thấy cấp sơ thẩm chỉ thu thập bản sao giấy khai sinh, thì Kiểm sát viên yêu cầu bị cáo hoặc gia đình cung cấp bản chính giấy khai sinh để đối chiếu hoặc tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân cấp xã đã đăng ký.

Theo khoản 1 Điều 358 BLTTHS 2015 thì: *“Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại khi thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được”*. Như vậy, Viện kiểm sát chỉ xác minh ở cấp phúc thẩm trong các trường hợp có thể điều tra bổ sung được mà không cần huỷ án để điều tra lại làm mất thời gian, tốn kém không cần thiết như: lấy lời khai bị cáo, bị hại, người làm chứng, đương sự; tổ chức đối chất, xem xét lại hiện trường; đề nghị giải thích kết luận giám định, định giá tài sản và thực hiện những biện pháp điều tra khác để làm rõ những tình tiết của vụ án trong thời hạn xét xử phúc thẩm hoặc trong thời hạn tạm ngừng phiên tòa... Đối với các tình tiết có ý nghĩa đến đánh giá chứng cứ buộc tội, gỡ tội, xác định tội danh, xác định hình phạt thì phải yêu cầu cấp sơ thẩm điều tra hoặc trường hợp phức tạp có thể báo cáo Viện trưởng để có sự chỉ đạo, phối hợp với các CQĐT để xác minh bảo đảm sự khách quan và có hiệu quả. Nói tóm lại, Kiểm sát viên chỉ điều tra xác minh bổ sung ở cấp phúc thẩm trong các trường hợp có đủ điều kiện thực hiện.

Tuy nhiên, cũng có những trường hợp việc xác minh bổ sung để làm rõ và có căn cứ hơn cho việc giải quyết vụ án kể cả có thể đó là căn cứ để cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm. Việc xác minh bổ sung cũng làm cho Kiểm sát viên nắm chắc về nội dung vụ án, củng cố thêm sự khách quan trong quan điểm giải quyết vụ án do Kiểm sát viên đề xuất và thể hiện được tính chủ động, tích cực của Kiểm sát viên.

Thực tế cho thấy trong rất nhiều vụ án qua xác minh bổ sung đã cung cấp thêm những chứng cứ hết sức quan trọng thậm chí làm thay đổi bản chất vụ án và ngược lại khi không nghiên cứu kỹ phát hiện những nội dung cần xác minh bổ sung sẽ dẫn đến việc Kiểm sát viên bị động trong phiên tòa phúc thẩm. Luật hiện nay quy định cụ thể về thời gian Tòa án giao hồ sơ cho Viện kiểm sát trong thời hạn chuẩn bị xét xử là bao lâu, do vậy việc xác minh bổ sung cần được tiến hành đúng thời hạn luật định để đảm bảo thời hạn xét xử.

- Về bổ sung, thay đổi rút kháng nghị; rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị

Kháng nghị phúc thẩm là một hoạt động của Viện kiểm sát và chỉ có Viện kiểm sát mới có quyền kháng nghị. Trong chức năng THQCT và KSXX của mình nếu phát hiện quá trình thực hiện chức năng xét xử của Tòa án cũng như phát hiện quá trình thực hiện bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót, vi phạm, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị phúc thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại hoặc xét lại nhằm khắc phục sai sót, vi phạm. Hoạt động này được quy định tại Điều 336 BLTTHS 2015: “Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định sơ thẩm”. Kháng nghị là một trong những căn cứ làm phát sinh thủ tục phúc thẩm, trên cơ sở đó, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ đưa ra xét xử những phần bản án hoặc quyết định bị kháng nghị. Giống như kháng cáo, hậu quả của việc kháng nghị là những phần của bản án bị kháng nghị sẽ không được đưa ra thi hành; đối với bản án hoặc quyết định hình sự sơ thẩm bị kháng nghị toàn bộ thì toàn bộ bản án hoặc quyết định đó chưa có hiệu lực pháp luật và không được đưa đi thi hành, trừ các trường hợp quy định tại Điều 363 BLTTHS 2015.

Luật quy định chỉ có Viện kiểm sát mới có quyền kháng nghị cộng với việc xuất phát từ quan điểm cho rằng nhận thức của con người là một quá trình, nhận thức đó qua thời gian có thể thay đổi để nhận diện vấn đề đầy đủ, cụ thể hơn và chính xác hơn, BLTTHS 2015 tại Điều 342 cho phép Viện kiểm sát có thể bổ sung, thay đổi kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Làm xấu đi tình trạng của bị cáo có nghĩa là việc thay đổi bổ sung đó tạo điều kiện để Tòa án

tăng nặng hình phạt, áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn, tăng mức bồi thường thiệt hại.

Bên cạnh đó, trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát cũng có quyền thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị. Theo quy định tại 342BLTTHS 2015, Quy chế 505/QĐ-VKSTC của Viện KSND tối cao thì chủ thể rút kháng nghị bao gồm Viện kiểm sát đã ban hành kháng nghị và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Nếu kháng nghị được rút trước khi mở phiên tòa thì phải được làm thành văn bản, nếu được rút ngay tại phiên tòa thì phải được ghi vào biên bản phiên tòa. Trong trường hợp, Viện kiểm sát đã rút một phần kháng nghị nhưng sau đó có kháng nghị lại mà vẫn trong thời hạn kháng nghị, thì vẫn được chấp nhận và xét xử theo thủ tục chung [45].

So với BLTTHS 2003 thì BLTTHS 2015 quy định về nội dung này có phần chi tiết hơn. Khoản 1 Điều 238 BLTTHS 2003 cơ bản giữ nguyên. Bổ sung mới khoản 2, 3 tại Điều 342 BLTTHS 2015:

“....2. Việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị trước khi mở phiên tòa phải lập văn bản và gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm phải thông báo cho Viện kiểm sát, bị cáo và những người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị biết về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị. Việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị tại phiên tòa được ghi vào biên bản phiên tòa.

3. Trường hợp người kháng cáo rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị tại phiên tòa mà xét thấy không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị khác thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về việc rút một phần kháng cáo, kháng nghị và quyết định đình chỉ xét xử phần kháng cáo, kháng nghị đó trong bản án phúc thẩm”.

Khác với BLTTHS 2003, trong Điều 342 bổ quy định “Trong trường hợp rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị tại phiên tòa thì việc xét xử phúc thẩm phải được đình chỉ. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm”. Nội dung này được quy định tại Điều 348 BLTTHS 2015 có tên “Đình chỉ xét xử phúc thẩm”.

2.1.2. Hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm

Phiên tòa xét xử phúc thẩm bắt buộc phải có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp, nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa được quy định thống nhất tại Điều 350 BLTTHS 2015. Để phù hợp và đảm bảo việc THQCT ở tất cả các vụ án đều tuân theo một quy tắc chung, BLTTHS 2003 không quy định số lượng Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, Điều 350 BLHS 2015 đã bổ sung cụ thể: đối với các vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì có thể có nhiều Kiểm sát viên. Trường hợp Kiểm sát viên không thể có mặt tại phiên tòa thì Kiểm sát viên dự khuyết có mặt tại phiên tòa từ đầu được thay thế để thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Tại điểm 1 khoản 1, Điều 42 BLTTHS 2015 và Điều 18 Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm sát viên làm nhiệm vụ THQCT khi tham gia phiên tòa là: Công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác của Viện kiểm sát về việc buộc tội đối với bị cáo; xét hỏi, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa. Với tính chất xét xử phúc thẩm, thì hoạt động THQCT của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm sẽ khác phiên tòa sơ thẩm, sẽ không có phần công bố cáo trạng mà đi thẳng vào phần xét hỏi, sau phần xét hỏi, Kiểm sát viên sẽ không tiến hành luận tội mà thay vào đó sẽ phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, cuối cùng sẽ tiến hành tranh luận với những người bào chữa và người tham gia tố tụng khác. Cụ thể:

- Về xét hỏi, xem xét vật chứng tại chỗ.

Việc xét hỏi ở phiên tòa phúc thẩm nhằm đánh giá đúng những sự thật khách quan của vụ án một cách toàn diện nhất mà kháng cáo, kháng nghị đã đề cập, qua đó một lần nữa xem xét lại dự thảo phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, góp phần cùng Tòa án có những phán quyết chính xác, kịp thời. Nội dung xét hỏi sẽ xoay quanh các yêu cầu được đưa ra trong kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Theo quy định tại Điều 307 BLTTHS 2015 thì “Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo

thứ tự hợp lý. Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi” và Điều 354 BLTTHS 2015 quy định “Chủ tọa phiên tòa hỏi người kháng cáo có thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo hay không; nếu có thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung và rút kháng cáo. Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên có thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị hay không; nếu có thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu bị cáo và những người liên quan đến kháng nghị trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị”. Như vậy, quy định tại Điều 307, Điều 354 cho thấy trách nhiệm chính của việc xét hỏi thuộc về HĐXX, chủ tọa phiên tòa có quyền quyết định một trình tự xét hỏi đối với từng vụ án cụ thể. Việc xét hỏi của Kiểm sát viên thường thực hiện sau chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử. Do vậy, để việc xét hỏi đạt được kết quả, Kiểm sát viên THQCT cần dự thảo trước đề cương xét hỏi. Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phải tập trung theo dõi, ghi chép đối chiếu với những câu hỏi của HĐXX, và chỉ xét hỏi những nội dung còn lại để tránh trùng lặp và làm rõ những tình tiết còn thiếu trong việc giải quyết vụ án. Do tính chất xét xử phúc thẩm nên, nội dung xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm tập trung để làm minh bạch hướng giải quyết các yêu cầu của kháng cáo, kháng nghị.

Việc xét hỏi được xem là nhiệm vụ quan trọng của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xét hỏi tốt sẽ là cơ sở để bài phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có tính thuyết phục cao, bên cạnh đó quá trình này cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc thẩm định lại quá trình hỏi và trả lời trong các giai đoạn trước đây có bảo đảm đúng với trình tự do pháp luật quy định hay không.

Tương tự tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bên cạnh việc xét hỏi, tùy từng trường hợp cụ thể Kiểm sát viên đề nghị hoặc cùng HĐXX kết hợp xem xét những vật chứng có liên quan đến vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác. Theo quy định tại khoản 1 Điều 312 BLTTHS 2015, thì vật chứng, ảnh hoặc biên bản xác nhận vật chứng được đưa ra để xem xét tại phiên tòa, Kiểm sát viên có quyền trình bày nhận xét của mình về vật chứng và có thể hỏi thêm người tham gia phiên tòa về

những vấn đề có liên quan đến vật chứng. Ví dụ: Khi bị cáo khai đã dùng dây dù màu xanh để siết cổ bị hại nhưng tại phiên tòa bị cáo lại khai là dùng dây thừng, thì Kiểm sát viên có thể đề nghị chủ tọa phiên tòa cùng xem xét vật chứng và hỏi bị cáo: “bị cáo có dùng dây dù này để siết cổ bị hại không?”, để bị cáo xác nhận, ngoài ra, Kiểm sát viên còn có thể hỏi người làm chứng về vật chứng để củng cố chứng cứ tại phiên tòa. Nếu là vật chứng công kênh không thể đưa đến phiên tòa được, thì tuy trường hợp nếu xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên có thể đề nghị HĐXX cùng với mình và những người tham gia phiên tòa đến xem tại chỗ; việc xem xét phải được lập biên bản [24, Đ.113].

- Về phát biểu quan điểm liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Sau khi xét hỏi, Kiểm sát viên sẽ tiến hành phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, quan điểm này phải dựa trên quá trình điều tra thông qua thủ tục xét hỏi tại phiên tòa, vì vậy dự thảo phát biểu chỉ có ý nghĩa như sự chuẩn bị ban đầu để Kiểm sát viên dựa vào đó phát biểu tại phiên tòa. Dự thảo quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phức tạp phải chứng minh, giải đáp được các nội dung mà kháng cáo, kháng nghị đặt ra. Trong trường hợp tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng có thể đưa ra những lời đối ngược với nội dung án sơ thẩm hoặc đưa ra một số tình tiết mới có ảnh hưởng đến nội dung vụ án, thì Kiểm sát viên không thể giữ nguyên ý kiến như dự thảo ban đầu đã được Lãnh đạo Viện phê duyệt mà phải cẩn thận xem xét thận trọng lập luận đối với những nội dung đó. Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên cần dựa trên chứng cứ khoa học và xuất phát từ quy định của pháp luật để đảm bảo tính thuyết phục với HĐXX.

Theo quy định tại Điều 355 BLTTHS 2015 Tòa án cấp phúc thẩm có quyền quyết định: Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; Sửa án sơ thẩm; Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra, xét xử lại; Hủy án sơ thẩm và đình chỉ vụ án; Đình chỉ việc xét xử vụ án. Từ thẩm quyền quyết định của Tòa án, Viện kiểm sát sẽ phát biểu quan điểm có nội dung căn cứ vào các Điều 355 BLTTHS dựa trên yêu cầu của kháng cáo, kháng nghị và qua quá trình xem xét, xét hỏi của mình. Tuy nhiên, pháp luật vẫn cho phép cấp phúc thẩm có quyền sửa án sơ thẩm đối với

những bị cáo không có kháng cáo hoặc không bị kháng nghị hoặc hủy án sơ thẩm để điều tra lại, xét xử lại.

Bài phát biểu quan điểm giải quyết vụ án kết thúc sẽ mở ra giai đoạn mới của phiên tòa đó là giai đoạn tranh luận giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, giai đoạn cơ sở để Hội đồng xét xử đưa ra phán quyết. Đối với các vụ án có kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát, bài phát biểu của Kiểm sát viên sẽ nêu các căn cứ, lập luận chặt chẽ để bảo vệ kháng nghị. Nếu qua quá trình điều tra, xét hỏi, Kiểm sát viên nhận thấy kháng nghị không còn phù hợp có thể rút kháng nghị.

- Về tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm.

Với tư tưởng chỉ đạo về cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW và đã thể chế trong BLTTHS 2015, điển nhấn chính tại phiên tòa là việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng giữa một bên nhân danh Nhà nước thực hiện việc buộc tội hoặc gỡ tội đối với bên còn lại, bảo đảm quyền tự do trình bày chứng cứ của các bên. Theo đó, để bảo vệ quan điểm của mình, Kiểm sát viên sẽ phải tiến hành tranh luận. Tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là nhiệm vụ trung tâm và bắt buộc, giai đoạn này để hiện rõ nhất quyền công tố của Kiểm sát viên trong phiên tòa xét xử phúc thẩm.

Theo quy định tại điều 322 BLTTHS 2015 thì bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với Kiểm sát viên về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án và đưa ra đề nghị của mình. Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Như vậy, Kiểm sát viên trực tiếp tranh luận với những ý kiến phản biện về quan điểm của mình bảo đảm nguyên tắc dân chủ và bình đẳng. Muốn đưa ra lập luận của mình đối

với từng ý kiến, Kiểm sát viên phải tập trung theo dõi và ghi chép diễn biến của phiên tòa, chủ yếu ghi những ý chính mà người bào chữa, bị cáo đã đưa ra để lập luận tranh luận không bị bỏ sót. Chủ tọa phiên tòa có nhiệm vụ tạo điều kiện cho các bên tranh tụng, tuy nhiên Kiểm sát viên cần chú ý việc tranh luận tập trung và không được trùng lặp, vòng vo.

Để đảm bảo cho việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và THQCT tại phiên tòa xét xử phúc thẩm của Kiểm sát viên được chặt chẽ hơn, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định về việc thụ lý vụ án của Tòa cấp phúc thẩm, việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát tại Điều 340, Điều 341. Theo đó, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn luật định. Khi Tòa án cấp phúc thẩm nhận được chứng cứ, tài liệu đồ vật bổ sung trước khi xét xử thì phải chuyển cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu đồ vật bổ sung thì Viện kiểm sát trả lại cho Tòa án. Quy định này đã khắc phục được trường hợp vụ án phát sinh tình tiết mới nhưng Viện kiểm sát không biết, đến khi xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên mới nhận ra tình tiết mới làm khác hoàn toàn quan điểm giải quyết vụ án, dẫn đến thay đổi căn bản đề cương xét hỏi đã được dự liệu ban đầu, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả tranh tụng tại phiên tòa của Viện kiểm sát.

Sau khi kết thúc phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án hình sự thì bản án hình sự có hiệu lực thi hành ngay. Vì vậy, sau khi HĐXX tuyên án thì chức năng THQCT của Viện kiểm sát cũng kết thúc vì Viện kiểm sát đã hoàn thành chức năng bảo vệ quan điểm truy tố của mình là truy tố người phạm tội ra tòa để xét xử nhằm bảo đảm pháp luật được thực thi một cách nghiêm minh. Những hoạt động của Viện kiểm sát tiến hành sau phiên tòa xét xử phúc thẩm thuộc chức năng KSXX.

Tóm lại, nội dung THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác bao gồm hoạt động mang tính mở đầu giai đoạn xét xử phúc thẩm thông qua việc trình bày quan điểm về kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đối với các bản án, quyết định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác và hoạt động THQCT của Viện kiểm sát thông qua các biện pháp pháp

lý cụ thể là xét hỏi, phát biểu quan điểm, tranh luận trong phiên tòa xét xử lại bản án về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

Tóm lại, so với BLTTHS năm 2003, BLTTHS 2015 đã quy định đầy đủ và rõ ràng hơn về hoạt động thực hành quyền công tố của VKS trong xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

Thứ nhất, BLTTHS 2015 có bố cục ở phần Xét xử vụ án hình sự gồm 03 chương là: Chương XX: Những quy định chung, Chương XX: xét xử sơ thẩm và Chương XXII: Xét xử phúc thẩm nhằm đảm bảo tính khoa học trong phân chia các giai đoạn tố tụng, khắc phục những hạn chế trong kỹ thuật lập pháp của BLTTHS 2003. Đặc biệt, chương XXII quy định về Xét xử phúc thẩm bao gồm những quy định riêng dành cho trình tự xét xử phúc thẩm, tính chất của xét xử phúc thẩm, quyền kháng cáo, quyền kháng nghị, thủ tục xét xử phúc thẩm. Với cách quy định như trên tạo cơ sở để loại bỏ những quy định trùng lặp, quy định lặp đi lặp lại ở cả cấp sơ thẩm và phúc thẩm, phân định sự khác nhau giữa thủ tục xét xử cấp sơ thẩm và phúc thẩm.

Thứ hai, BLTTHS 2015 pháp điển hóa một số quy định về thời hạn kháng cáo, kháng nghị, tăng cường vai trò của Viện kiểm sát trong việc kiểm sát việc xét kháng cáo quá hạn bằng quy định phải có mặt đại diện của Viện kiểm sát trong phiên họp xét kháng cáo quá hạn, qua đó tăng cường chức năng kiểm sát và hỗ trợ công tác thực hành quyền công tố đối với vụ án có kháng cáo quá hạn.

Thứ ba, BLTTHS 2015 quy định cụ thể vai trò, trách nhiệm của Kiểm sát viên trong phiên tòa xét xử phúc thẩm tại các quy định tại Điều 350: Sự có mặt của Kiểm sát viên, Điều 354: Thủ tục phiên tòa phúc thẩm. Theo đó, Kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa xét xử phúc thẩm để thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phải trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị, tham gia xét hỏi và phát biểu quan điểm về xử lý vụ án, tranh luận...

Thứ tư, BLTTHS 2015 quy định về thụ lý vụ án và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn và việc chuyển chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung trước khi xét xử cho Viện kiểm sát đã khắc phục được những khó khăn trước đây về vấn đề thời hạn nghiên cứu, giải quyết vụ án giữa Tòa án và Viện kiểm sát còn chưa thống nhất, qua đó góp phần tăng cường hiệu quả của hoạt động xét xử phúc thẩm nói chung và công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nói riêng.

Mặc dù, BLTTHS năm 2015 đã quy định khá đầy đủ về hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn phúc thẩm vụ án hình sự nhưng trong quá trình áp dụng vẫn còn một số nội dung sau cần được nghiên cứu, quy định bổ sung. *Một là*, BLTTHS năm 2015 mới chỉ dừng ở việc quy định Tòa án xác minh thu thập chứng cứ bằng các hoạt động nào tại Điều 252 BLTTHS năm 2015, nhưng chưa quy định cụ thể hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong xét xử phúc thẩm; *Hai là*, quy định chưa cụ thể đối với trường hợp Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới. Những vấn đề này cần được bổ sung và quy định cụ thể hơn để tạo cơ sở cho VKS thực hành quyền công tố tốt hơn nữa trong giai đoạn phúc thẩm.

2.2. Thực trạng thực hiện quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người

Hiện nay, Viện KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có Văn phòng và 04 viện nghiệp vụ, với 112 cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác nghiệp vụ kiểm sát đều có trình độ đại học và sau đại học chuyên ngành luật. Viện KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập vào tháng 6/2015, có tiền thân là Viện phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, việc thành lập Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là một cấp mới theo tinh thần cải cách tư pháp và quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014. Với những khó khăn ban đầu về nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu công tác do quy định mới của pháp luật, Viện kiểm sát cấp cao

phải tiếp nhận và thực hiện nhiều nhiệm vụ mà trước đây do Viện kiểm sát tối cao và Viện kiểm sát cấp tỉnh thực hiện nên việc bố trí, phân công cán bộ, kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn này thật sự gặp nhiều khó khăn vì chưa có các văn bản, chỉ thị hướng dẫn hay quy chế tổ chức, hoạt động cụ thể. Đối với cán bộ, Kiểm sát viên đảm nhiệm chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự hiện nay có 28 cán bộ, kiểm sát viên các cấp (trong đó có 11 kiểm sát viên cao cấp) 02 lãnh đạo phụ trách viện nghiệp vụ và 01 Lãnh đạo phụ trách khối Hình sự. Viện THQCT và KSXX án hình sự gồm 03 phòng nghiệp vụ, trong đó Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm án An ninh, trật tự xã hội, ma túy và Phòng THQCT và KSXX án tham nhũng, kinh tế, chức vụ được giao nhiệm vụ THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại các phiên tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; tham mưu, đề xuất với Lãnh đạo Viện KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố thuộc địa bàn 23 tỉnh phía Nam. Biên chế của 02 phòng có 19 người, trong đó có 08 kiểm sát viên cao cấp, 05 Kiểm sát viên trung cấp, 02 Kiểm sát viên sơ cấp, 01 Kiểm tra viên và 03 chuyên viên. Một số Kiểm sát viên cao cấp của phòng cũng vừa làm chức năng THQCT vừa giữ các chức vụ lãnh đạo. Vì vậy, Kiểm sát viên cao cấp thực hành quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm không thể đảm bảo vừa là người nghiên cứu vụ án vừa tham gia xét xử theo lĩnh vực chuyên môn mà mỗi kiểm sát viên cao cấp đều phải xét xử tất cả các loại án hình sự, dân sự, hành chính, kinh doanh, thương mại, lao động mới có thể đảm bảo thực hiện được khối lượng án lớn của 23 tỉnh thành khu vực phía Nam. Đặc biệt, đối với những vụ án có tính chất phức tạp, dư luận xã hội quan tâm và các vụ án lớn, án điểm, phải phân công tổ nghiên cứu án, phát huy sức mạnh trí tuệ tập thể mới đảm bảo chất lượng giải quyết vụ án đã và đang đặt áp lực rất lớn đối với Viện cấp cao về vấn đề phân bổ nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, đối với một số vụ án xảy ra tại các tỉnh xa trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, việc xét xử phải thực hiện tại địa phương nên việc xét xử lưu động tại địa bàn rộng lớn cũng đặt ra nhiều vấn đề trong công tác thực hành quyền

công tố của Kiểm sát viên cao cấp vì khó khăn trong việc sắp xếp nhân lực và ảnh hưởng đến việc báo án với Lãnh đạo viện. Tại Viện KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.1 Tình hình thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Theo thống kê, số lượng án hình sự cần xét xử phúc thẩm hàng năm phân bố không đều ở các địa phương. Phần lớn, các vụ có kháng cáo, kháng nghị tập trung ở tỉnh, thành phố đông dân cư, kinh tế phát triển.

Đối với nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, hàng năm số vụ án có kháng cáo, kháng nghị dao động từ 103 đến 397 vụ và 340 đến 705 bị cáo. Tổng số vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác có kháng cáo, kháng nghị chiếm 28,17% số vụ án loại này đã xét xử sơ thẩm và chiếm 44 % trên tổng số vụ án hình sự có kháng cáo, kháng nghị đã thụ lý và giải quyết ở cấp phúc thẩm.

Riêng số án về nhóm tội này Viện kiểm sát cả hai cấp kháng nghị chiếm 2,92% trong tổng số vụ án cùng loại có kháng cáo, kháng nghị đã thụ lý, giải quyết.

Bảng 2.1. Tình hình thụ lý và giải quyết các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe ở cấp phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh

Năm	Thụ lý	Án có kháng nghị	Xét xử	Đình chỉ
2013	103 vụ/705 bị cáo	52 vụ/85 bị cáo	31 vụ/604 bị cáo	72 vụ/101 bị cáo
2014	397 vụ/515 bị cáo	33 vụ/41 bị cáo	313 vụ/415 bị cáo	84 vụ/100 bị cáo
2015	357 vụ/541 bị cáo	42 vụ/55 bị cáo	285 vụ/424 bị cáo	72 vụ/117 bị cáo
2016	305 vụ/373 bị cáo	32 vụ/34 bị cáo	251 vụ/302 bị cáo	54 vụ/71 bị cáo
2017	279 vụ/340 bị cáo	24 vụ/36 bị cáo	220 vụ/268 bị cáo	59 vụ/72 bị cáo
Tổng	1.438 vụ/2.532	183 vụ/251 bị	1.097 vụ/2.071 bị	341 vụ/461 bị cáo

(Nguồn: VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh) [38, 39, 40, 41, 42]

Số lượng án kháng nghị phúc thẩm của Viện KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác chiếm tỷ lệ rất cao so với tỷ lệ thụ lý, giải quyết. Theo số liệu 05 năm khảo sát, thì số vụ kháng nghị của Viện kiểm sát chiếm 3,58% số vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác đã xét xử sơ thẩm và số bị cáo bị kháng nghị chiếm 48,17% số bị cáo phạm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác đã được Tòa án cấp phúc thẩm cải sửa án sơ thẩm. Năm 2013 có 52 vụ/85 bị cáo được kháng nghị phúc thẩm thì đến năm 2017 chỉ có 24 vụ/36 bị cáo được Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm. Nội dung chủ yếu của các kháng nghị xoay quanh việc tăng, giảm hình phạt; chuyển từ tù có thời hạn sang tù chung thân hoặc ngược lại, chuyển từ giam sang tù treo hoặc ngược lại; chuyển khung hình phạt; kháng nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra hoặc xét xử lại. Qua các năm, án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị có năm đạt 70%, có năm chỉ đạt 31,25% và một số trường hợp kháng nghị của Viện KSND cấp tỉnh bị Viện KSND cấp cao rút vì nhiều lý do.

Bảng 2.2. Kết quả giải quyết kháng nghị phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác của Viện cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh

Năm	Án có kháng nghị	Rút kháng nghị	Chấp nhận kháng nghị	Không chấp nhận kháng nghị
2013	52 vụ/85 bị cáo	06 vụ/ 10 bị cáo	27 vụ/34 bị cáo	16 vụ/32 bị cáo
2014	33 vụ/41 bị cáo	13 vụ/15 bị cáo	12 vụ/15 bị cáo	10 vụ/ 14 bị cáo
2015	42 vụ/55 bị cáo	10 vụ/20 bị cáo	10 vụ/13 bị cáo	13 vụ/15 bị cáo
2016	32 vụ/34 bị cáo	02 vụ/02 bị cáo	14 vụ/15 bị cáo	14 vụ/14 bị cáo
2017	24 vụ/36 bị cáo	04 vụ/04 bị cáo	14 vụ/ 14 bị cáo	05 vụ/07 bị cáo
Tổng	183 vụ/251 bị cáo	35 vụ/51 bị cáo	77 vụ/91 bị cáo	58 vụ/82 bị cáo

(Nguồn: VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh) [38, 39, 40, 41, 42]

Kết quả xét xử các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe qua 05 năm cho thấy, tỷ lệ án sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm sửa chiếm tỷ lệ khá cao (521 bị cáo

hủy, sửa án/2071 bị cáo đưa ra xét xử, chiếm tỷ lệ 25,14%), đều có tăng hoặc giảm hình phạt. Trong số các vụ án bị sửa, có nhiều trường hợp cấp sơ thẩm không có sai phạm trong việc truy tố, xét xử nhưng Tòa án cấp phúc thẩm vẫn sửa bản án vì khi xét xử phúc thẩm có những tình tiết mới, mà theo quy định của pháp luật với những tình tiết mới đó bị cáo được xem xét giảm nhẹ hình phạt hoặc chuyển từ án giam sang treo (như trường hợp, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo hoặc đại diện hợp pháp của bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả nên cấp phúc thẩm có thể áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo). Tỷ lệ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác bị hủy ở cấp phúc thẩm rất thấp (52 bị cáo bị hủy/2.071 bị cáo đưa ra xét xử, chiếm tỷ lệ 0,25%).

2.2.2. Đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người từ thực tiễn Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.2.1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, kể từ khi triển khai hiện hành, Quy chế THQCT và KSXX, Luật Tổ chức Viện KSND năm 2014 và các Nghị quyết của Đảng về chiến lược cải cách tư pháp, công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác đã có nhiều chuyển biến tích cực. Chất lượng công tác THQCT được thể hiện ở nhiều mặt:

Thứ nhất, các kết quả đạt được ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm.

Khi nhận được hồ sơ vụ án, các Kiểm sát viên đã trực tiếp nghiên cứu hồ sơ, nghiên cứu kháng cáo, kháng nghị, đánh giá chứng cứ xác định tội phạm, tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS ... để kết luận tính có căn cứ, hợp pháp của bản án bị kháng cáo, kháng nghị; đồng thời kiểm tra các hoạt động từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác nhằm phát hiện vi phạm tố tụng hình sự (nếu có), để đưa ra văn bản trình bày ý kiến kháng cáo, kháng nghị chính xác nhất.

Đối với các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, trong thời gian khảo sát, Viện kiểm sát cấp cao đã nghiên cứu hồ sơ nghiêm túc, thực hiện xác minh chứng cứ trong trường hợp cần thiết.

Chất lượng kháng nghị phúc thẩm cũng được nâng lên, hình thức quyết định kháng nghị về cơ bản được ban hành đúng mẫu theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các kháng nghị ban hành đúng thời hạn, nội dung kháng nghị cụ thể, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, phát hiện đúng các vi phạm của bản án, viện dẫn chính xác căn cứ pháp luật, tỷ lệ kháng nghị của một số Viện kiểm sát tỉnh được chấp nhận cao như Tây Ninh, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp... nội dung kháng nghị phúc thẩm ngày càng đa dạng hơn, không chỉ kháng nghị về tố tụng mà còn kháng nghị về cả nội dung giải quyết vụ án như: kháng nghị về tội danh, khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự, án phí, quyết định xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp khác; Kháng nghị hủy hoặc sửa án do xác định không chính xác hoặc bỏ sót người tham gia tố tụng, thành phần Hội đồng xét xử không đúng luật định, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, xét xử sai tội danh, sai khung hình phạt, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không chính xác dẫn đến quyết định hình phạt không phù hợp, cho bị cáo hưởng án treo không đúng hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo...*Điển hình như Kháng nghị số 11/QĐ-VC3-VI ngày 08/10/2015 của Viện cấp cao 3 tăng hình phạt đối với bị cáo Thạch Thị Soi phạm tội “Giết người”.*

Những kết quả đạt được trong công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự đã góp phần khẳng định được vai trò của ngành Kiểm sát trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm pháp chế, bảo đảm việc chấp hành pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nhất là thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo tinh thần của Hiến pháp và yêu cầu của tiến trình cải cách tư pháp, nhiều kháng nghị thể hiện tinh thần đấu tranh kiên quyết, không khoan nhượng với tội phạm xâm

phạm tính mạng, sức khỏe của con người, đảm bảo việc xét xử nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Thứ hai, các kết quả đạt được ở giai đoạn tại phiên tòa xét xử phúc thẩm.

Do nghiên cứu kỹ hồ sơ, nắm chắc nội dung vụ án, chuẩn bị tốt đề cương xét hỏi nên tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã chủ động, tự tin tham gia xét hỏi để làm sáng tỏ những vấn đề chưa được HĐXX hỏi, hoặc đã hỏi nhưng chưa rõ để bảo vệ quan điểm của Viện kiểm sát. Đối với những vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác có nhiều quan điểm khác nhau về xác định giá trị chứng cứ, xảy ra xung đột trong việc xác định tội danh như “Tội cố ý gây thương tích” hay “Tội giết người”; hoặc các vụ án có bị cáo kháng cáo kêu oan, bị hại kháng cáo về việc bỏ lọt tội phạm, Kiểm sát viên đều chủ động xét hỏi để bảo vệ quan điểm truy tố của Viện kiểm sát, đồng thời bảo đảm không làm oan, bỏ lọt tội phạm. Như đối với những vụ án, bị cáo có yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tật và không đồng ý với kết quả giám định thì Kiểm sát viên sẽ tiến hành hỏi người giám định trước vì đối với những tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác chứng cứ buộc tội chủ yếu dựa vào kết quả giám định.

Bên cạnh đó, Kiểm sát viên THQCT đã có sự đầu tư nghiên cứu, chuẩn bị kỹ dự thảo bài phát biểu, dự báo các tình huống phát sinh để có thể điều chỉnh kịp thời phù hợp với diễn biến phiên tòa. Việc đối đáp tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa có sự thay đổi rõ rệt cả về nhận thức và thực tiễn xét xử, hình ảnh của Kiểm sát viên tại phiên tòa được những người tham dự phiên tòa và quần chúng quan tâm chú ý nhiều hơn. Qua thực tiễn thấy rằng nhiều Kiểm sát viên đã thực hiện tốt vai trò trước, trong phiên tòa xét xử phúc thẩm điều đó thể hiện ở chỗ trước đây Kiểm sát viên tại phiên tòa sau khi trình bày quan điểm giải quyết vụ án xong thường không tranh luận hay đối đáp lại những điểm mà luật sư, bị cáo đưa ra hoặc nếu có thì đối đáp một cách chung chung. Song đến nay do nhận thức việc đối đáp của Kiểm sát viên đối với những người tham gia tố tụng là quy định bắt buộc nên Kiểm sát viên khi tham gia xét xử đã có sự chuẩn bị chu đáo, thể hiện ở việc làm tốt các thao tác nghiệp vụ từ nghiên cứu kỹ hồ sơ, chuẩn bị những nội dung cần làm rõ đối

với bị cáo, bị hại, nhân chứng, dự kiến đối đáp, tranh luận với những vấn đề bị cáo, người bảo vệ quyền lợi cho bị cáo sẽ nêu ra, dự thảo sát với nội dung vụ án. Do có sự chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng từ trước nên Kiểm sát viên đã chủ động, bình tĩnh, tự tin trong đối đáp, tranh luận, lập luận có lý lẽ chặt chẽ, rõ ràng không lan man, dài dòng đã gắn được diễn biến tại tòa với chứng cứ điều tra thu thập có tại hồ sơ để từ đó chứng minh từng ý kiến khác với những vấn đề đã được kết luận một cách thuyết phục, khách quan và tôn trọng ý kiến của những người tham gia tố tụng bảo vệ được bài phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát đồng thời hỗ trợ cho HĐXX được bản án nghiêm minh, đúng pháp luật.

Bên cạnh đó, do công tác kháng nghị phúc thẩm là một trong những nhiệm vụ đặc biệt mà nhà nước giao cho Viện kiểm sát để mở ra thủ tục xét xử phúc thẩm, nên việc Viện kiểm sát THQCT trong xét xử phúc thẩm bảo vệ kháng nghị được Tòa án chấp nhận cũng được xem là một nhiệm vụ quan trọng. Ngoài ra, đối với những kháng nghị của Viện kiểm sát cấp tỉnh không có căn cứ hoặc căn cứ không vững chắc, cá biệt có kháng nghị phúc thẩm mà nội dung đề nghị có sai lầm nghiêm trọng về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, Viện cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kịp thời ra quyết định rút toàn bộ kháng nghị của cấp dưới, đồng thời ban hành kháng nghị phúc thẩm mới với quan điểm ngược lại để khắc phục vi phạm, *điển hình như kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đối với bị cáo Nguyễn Văn Kháng bị xét xử về tội “Giết người”*. Nội dung vụ án thể hiện giữa bị cáo Kháng với chị Trần Cẩm Thúy không có mâu thuẫn gì, chị Thúy hoàn toàn không có lỗi đối với bị cáo, nhưng với ý thức xem thường pháp luật, xem thường tính mạng của người khác, bị cáo đã dùng xăng tưới lên người chị Thúy rồi châm lửa đốt với mục đích tước đoạt tính mạng của chị Thúy, nhưng chị Thúy không chết là ngoài mong muốn của bị cáo, song thương tích của chị Thúy là rất nặng (78%), di chứng để lại rất nặng nề phải chịu tàn phế suốt đời. Hành vi của bị cáo thể hiện rất rõ bản tính côn đồ, hung hãn, là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự, nhưng cấp sơ thẩm chỉ truy tố, xét xử bị cáo Kháng theo khoản 2 Điều 93 với mức án 09

năm tù là không đúng quy định của pháp luật, quá nhẹ, không nghiêm, không có tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu lại ban hành kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-KNPT ngày 07/10/2015 đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Viện cấp cao 3 đã rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, đồng thời ban hành Quyết định kháng nghị số 13/QĐ-KN ngày 23/10/2015 đề nghị chuyển khung và tăng hình phạt đối với bị cáo. Kết quả xét xử, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện cấp cao 3 chuyển khung, tăng hình phạt đối với bị cáo lên 11 năm tù. Hay kháng nghị số 02/KNPT-P2 ngày 09/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Hà Minh Tiến về tội “Giết người”, theo tài liệu hồ sơ thể hiện bị cáo Tiến là đối tượng có nhân thân xấu, thực hiện hành vi phạm tội rất quyết liệt, côn đồ, hung hãn, dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm một nhát rất mạnh vào vùng cổ anh Nguyễn Hữu Nhàn làm đứt động, tĩnh mạch cảnh chung dẫn tới hậu quả anh Nhàn tử vong, ngoài ra bị cáo còn dùng dao đâm những bị hại khác gây thương tích cho họ. Tòa án tỉnh Bình Dương đánh giá đúng tính chất hành vi, hậu quả và xem xét một cách toàn diện vụ án, nhân thân bị cáo, cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm giết người trên địa bàn tỉnh đã tuyên tử hình bị cáo là phù hợp và cần thiết. VKSND tỉnh Bình Dương trong kháng nghị lại cho rằng bị cáo không có ý thức tước đoạt mạng sống của các bị hại, chỉ bỏ mặc hậu quả xảy ra, thuộc trường hợp lỗi cố ý gián tiếp để kháng nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhận định như kháng nghị là chưa phù hợp với tài liệu, chứng cứ vụ án, cũng như chưa phù hợp lý luận về lỗi trong mặt chủ quan của tội phạm, do vậy Viện cấp cao 3 đã rút toàn bộ kháng nghị và Tòa án cấp cao cũng bác kháng cáo của bị cáo.

Kết quả đạt được như trên một phần là do tự thân các Kiểm sát viên đã nâng cao trách nhiệm, học hỏi, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn từ đồng nghiệp và chính từ bản thân, một phần do thông qua việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm theo tinh thần cải cách tư pháp. Trong 05 năm, cấp phúc thẩm đã tổ chức được 28 phiên tòa

rút kinh nghiệm, trong đó có 10 phiên tòa về xét xử về tội “Giết người”, việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm đã trở thành hoạt động thường xuyên và đem lại hiệu quả tích cực. Nó không chỉ giúp cho Kiểm sát viên tự hoàn thiện mình, nâng cao trình độ, kỹ năng tranh tụng, thể hiện được vị thế của ngành mà qua đó công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũng tốt hơn nhiều.

Bên cạnh đó, qua hoạt động THQCT các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, Viện KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chú trọng tổng hợp các vi phạm của cấp sơ thẩm để ban hành thông báo rút kinh nghiệm; qua đó phần nào giảm bớt những vi phạm cơ bản ở cấp sơ thẩm bị tái hiện.

2.2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng công tác thực hành quyền công tố các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác vẫn còn nhiều thiếu sót như:

Thứ nhất, chất lượng nghiên cứu hồ sơ trong không ít trường hợp còn nhiều hạn chế, vẫn còn tình trạng hồ sơ không trích dẫn đầy đủ tài liệu, chứng cứ cần thiết cho yêu cầu THQCT của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Các Kiểm sát viên lập hồ sơ chưa bám sát nội dung kháng cáo, kháng nghị do vậy chất lượng trình bày ý kiến về kháng cáo, kháng nghị còn chưa đạt yêu cầu. Thông thường đối những vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác có kháng cáo, kháng nghị, Kiểm sát viên sẽ trích dẫn các tài liệu để lập hồ sơ bao gồm: Kết luận giám định pháp y về thương tích, Bản kết luận điều tra, Cáo trạng, Biên bản phiên tòa hình sự sơ thẩm, Biên bản nghị án, Bản án hình sự sơ thẩm, Kháng nghị, Kháng cáo, Thông báo kháng cáo, kháng nghị và các văn bản liên quan đến tiền án, tiền sự của bị cáo (nếu có). Tuy nhiên, có một số trường hợp đặc biệt như bị cáo kêu oan, bị hại kháng cáo yêu cầu xem xét toàn bộ vụ án do bỏ lọt tội phạm, nhưng Kiểm sát viên do chủ quan nên chỉ trích dẫn những tài liệu thông thường mà không trích dẫn các tài liệu khác như Biên bản lấy lời khai, Biên bản đối chất, Biên bản nhận dạng, biên bản xác định đồ vật tài liệu...; dẫn đến khi đã trả hồ sơ gốc cho Tòa án mới bắt đầu làm trình bày ý kiến về kháng cáo, kháng nghị nên gây thiếu sót, trình bày ý kiến không chính xác.

Thứ hai, một số kháng nghị đã ban hành của Viện KSND cấp tỉnh chưa đáp ứng căn cứ kháng nghị, kháng nghị còn mang tính chủ quan do đặt nặng việc Tòa án xử khác quan điểm của Viện kiểm sát, nhưng Kiểm sát viên cấp phúc thẩm còn thụ động khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nên không phát hiện sai sót trong kháng nghị, không kịp thời sử dụng quyền năng công tố để tham mưu Lãnh đạo Viện thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị, dẫn đến có một số trường hợp không bảo vệ được kháng nghị trước phiên tòa xét xử phúc thẩm. Theo số liệu thống kê của Viện KSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong 05 năm có 58 vụ/82 bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác kháng cáo của Viện kiểm sát (82 bị cáo trên tổng số 224 bị cáo có kháng nghị đưa ra xét xử, chiếm tỷ lệ 25,9%), [38, 39, 40, 41, 42].

Thứ ba, chất lượng THQCT tại phiên tòa phúc thẩm ở một số vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác còn chưa đạt yêu cầu.

Qua đánh giá, còn nhiều trường hợp Kiểm sát viên tham gia hoạt động xét hỏi chất lượng chưa cao; thể hiện qua việc không chú ý theo dõi việc xét hỏi của các thành viên Hội đồng xét xử nên hỏi lặp lại, hỏi về những vấn đề không trọng tâm, không có mâu thuẫn. Khi Kiểm sát viên hỏi hoặc nghe HĐXX hỏi có những tình tiết mới nhưng không được tiếp thu và sửa đổi kịp thời vào trong bài phát biểu của Kiểm sát viên; thái độ và ngôn từ sử dụng khi xét hỏi còn nhiều hạn chế. Đặc biệt có một số vụ án, Kiểm sát viên không chuẩn bị đề cương xét hỏi, trong đó dự kiến những vấn đề cần làm rõ hơn tại phiên tòa, việc lập đề cương xét hỏi chủ yếu chỉ được chú trọng trong các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác có nhiều bị cáo, nhiều bị hại, có bị cáo kêu oan. Đối với các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác chỉ có kháng cáo, kháng nghị tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS, tính chất vụ án đơn giản, không có luật sư tham gia, thì tỉ lệ lập đề cương xét hỏi của Kiểm sát viên chiếm tỷ lệ không cao.

Một số Kiểm sát viên không chuẩn bị tốt bài phát biểu; trong bài phát biểu không làm rõ các nội dung kháng cáo, kháng nghị; thiếu các luận cứ và luận chứng thuyết phục. Một số trường hợp thường xảy ra ở các Kiểm sát viên lâu năm làm công tác xét xử nên có tư tưởng chủ quan không chuẩn bị dự thảo bản phát biểu

trước mà ra phiên tòa mới dự thảo và đọc một cách nhanh gọn nhất là thiếu tôn trọng các bên trong phiên tòa. Điều này làm cho chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa không cao, làm giảm đi vị thế của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Việc ghi chép, theo dõi các thông tin, tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa còn hạn chế dẫn đến việc tranh tụng thiếu sự thuyết phục. Một số phiên tòa, Kiểm sát viên ngại tranh luận khiến phiên tòa diễn ra tẻ nhạt. Kiểm sát viên tuy không hẳn từ chối tranh luận nhưng né tránh những vấn đề khó của những người tham gia tố tụng, tranh luận vòng vo. Văn hóa trong tranh luận ở một số phiên tòa chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều phiên tòa chưa thực sự dân chủ. Một số Kiểm sát viên khi tranh luận không trên cơ sở quy định của pháp luật mà mang nặng tính kinh nghiệm, khi tranh luận đôi khi còn thiếu sự trích dẫn pháp luật làm luận cứ để tranh luận.

Một trong những cơ sở để Kiểm sát viên tranh luận với người tham gia tố tụng là hệ thống chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Để làm tốt công tác THQCT tại phiên tòa, đòi hỏi Kiểm sát viên phải làm tốt công tác nghiên cứu hồ sơ, xây dựng hồ sơ và các công tác khác phục vụ cho phiên tòa. Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn không ít hồ sơ xây dựng chưa đảm bảo quy định của ngành, thiếu các tài liệu phục vụ cho việc tranh tụng, phô trương lan, không trích cứu, trích dẫn các chứng cứ quan trọng, việc sắp xếp thứ tự bút lục thiếu khoa học... dẫn đến việc khi tiến hành hoạt động THQCT tại phiên tòa không vững chứng cứ đó, không rõ chứng cứ này tại bút lục bao nhiêu, nội dung của nó là gì? do vậy không thể đối đáp lại người tranh tụng. Nhất là đối với những vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, yếu tố bồi thường thiệt hại phải được chú trọng tuy nhiên có nhiều Kiểm sát viên không chú ý điều này, không dự lường trước tình huống phát sinh, nên khi ra phiên tòa phát sinh thêm việc bị cáo yêu cầu giảm bồi thường thiệt hại lý do nào đó, thì phát biểu quan điểm về vấn đề bồi thường một cách chung chung không thuyết phục.

Nhiều trường hợp các bên tranh tụng đều nắm rõ nội dung và các quy định của văn bản pháp luật nhưng tranh luận với nhau về những vấn đề khác. Nhiều trường hợp, do không nắm vững các quy định của pháp luật hình sự nên Kiểm sát viên không đủ lý lẽ để tranh luận, bảo vệ kháng nghị, bảo vệ quan điểm nhất là

những vấn đề thường hay có vướng mắc về nhận thức giữa Luật sư với Kiểm sát viên như nhận định về tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ”, “dùng hung khí nguy hiểm”....

2.2.3. Nguyên nhân của hạn chế vướng mắc

Những tồn tại và thiếu sót nêu trên do nhiều nguyên nhân trong từng vấn đề cụ thể bao gồm những nguyên nhân về mặt chủ quan và mặt khách quan như sau:

2.2.3.1. Nguyên nhân khách quan

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn thu thập số liệu từ năm 2013 đến năm 2017, thời gian áp dụng BLHS 1999 và BLTTHS 2013 nên cần phân tích những quy định còn thiếu sót gây ảnh hưởng đến chất lượng THQCT trong xét xử phúc thẩm đối với các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người. BLHS, BLTTHS tuy được sửa đổi, bổ sung nhiều nhưng luật được xây dựng chậm, thiếu đồng bộ, còn chung chung.

- Đối với BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Các quy định của BLHS đối với tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác còn vướng mắc, bất cập trên thực tế chưa hướng dẫn kịp thời, khoảng cách các khung hình phạt quá rộng, các quy định về điều kiện được hưởng án treo, quy định về trường hợp phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và nhiều tình tiết định khung chưa rõ ràng dẫn đến cách hiểu và vận dụng khác nhau giữa Viện kiểm sát và Tòa án, và giữa các cấp sơ thẩm của các huyện khác nhau. Các tình tiết “gây cố tật nhẹ”, “người già yếu”, “phạm tội...trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác”, “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng”, “phòng vệ chính đáng”, chưa được hướng dẫn, giải thích của cơ quan có thẩm quyền hoặc có hướng dẫn, giải thích nhưng chung chung, không thống nhất giữa các văn bản luật, giữa văn bản luật và văn bản dưới luật dẫn đến có nhiều cách hiểu, đánh giá, áp dụng khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Mặt khác, nhiều quy định của phần chung BLHS 1999 còn chưa quy định rõ ràng như các quy định về khái niệm tội phạm, quy định về đồng phạm, về các tình

tiết tăng nặng, giảm nhẹ, chế định án treo...cũng dẫn đến những khó khăn trên thực tế khi áp dụng.

- Đối với BLTTHS năm 2003

Ngoài các hướng dẫn áp dụng thống nhất một số vấn đề của Bộ luật và các Quy chế nghiệp vụ đã ban hành qua các năm, một số vấn đề cần được hướng dẫn cụ thể. Một số điểm bất cập của pháp luật cụ thể như:

Để đảm bảo việc THQCT tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát cấp phúc thẩm phải nghiên cứu hồ sơ vụ án, tuy nhiên BLTTHS 2003 không quy định về việc Tòa án cấp phúc thẩm chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cấp phúc thẩm. Liên quan đến vấn đề này, tại Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán có hướng dẫn như sau: *“BLTTHS không quy định Tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ vụ án để tham gia phiên tòa phúc thẩm thì Tòa án cần chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp”*. Mặc dù Nghị quyết đã quy định như vậy nhưng không quy định về thời gian chuyển hồ sơ nên đôi khi Tòa án vừa chuyển hồ sơ qua Viện kiểm sát xong đã lên lịch xét xử, gây khó khăn cho quá trình nghiên cứu hồ sơ, không thể làm tốt chức năng THQCT trong xét xử phúc thẩm. Mặt khác, quy định này là tùy nghi, không mang tính bắt buộc, ở đây Nghị quyết sử dụng cụm từ “để tạo điều kiện”, “cần chuyển” làm mất đi tính cần thiết của việc chuyển hồ sơ, trong khi hoạt động này nên quy định một cách bắt buộc cả về hình thức lẫn thời gian.

Điều 238 BLTTHS 2003 quy định về việc Viện kiểm sát có quyền bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị và điều này được hướng dẫn tại Nghị quyết 05/2005/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán. Tuy nhiên, trong trường hợp Viện kiểm sát bổ sung kháng cáo dẫn đến việc phạm vi xét xử phúc thẩm được mở rộng vì nó có liên quan đến những người tham gia tố tụng khác không được triệu tập tại phiên tòa, thì trong trường hợp này phải giải quyết như thế nào, chưa được quy định rõ trong luật cũng như Nghị quyết hướng dẫn.

Việc bảo đảm sự bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm là một điều kiện cơ bản vẫn chưa được đáp ứng. Nó là cơ sở để xác định

tư cách tố tụng của người bào chữa, bị cáo không chỉ là một chủ thể mà còn là một bên tham gia tranh tụng bình đẳng với bên buộc tội. Tuy nhiên, việc thể hiện nội dung này tại các điều luật cụ thể vẫn chưa được quy định tại BLTTHS hiện hành. Ví dụ: tại Điều 245 BTTHS 2003 quy định, trong mọi trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt phải hoãn phiên tòa, trong khi đó người bào chữa hoặc bị cáo và các chủ thể khác vắng mặt thì vẫn có thể tiến hành xét xử vụ án. Người viết cho rằng, quy định như vậy là chưa đảm bảo sự bình đẳng giữa các bên trong tranh tụng, sự vắng mặt của luật sư và của bị cáo ở phiên tòa sẽ làm cho quá trình tranh tụng mất đi ý nghĩa của nó, từ đây cũng góp phần tạo nên các nguyên nhân chủ quan của Kiểm sát viên sẽ được đề cập ở phần sau.

Theo quy định tại Điều 207 BLTTHS 2003 thì trình tự xét hỏi là “Chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự”. BLTTHS 2003 không quy định thủ tục xét xử phúc thẩm nhưng chiếu theo thủ tục của phiên tòa sơ thẩm thì trong phần xét hỏi của phiên tòa phúc thẩm chủ tọa phiên tòa sẽ hỏi trước rồi đến các thẩm phán, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Điều này dẫn đến chức năng buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa bị lu mờ, chưa bảo đảm hoạt động dân chủ, bình đẳng.

Các văn bản pháp luật hướng dẫn áp dụng cũng trong tình trạng còn thiếu, chậm; các văn bản pháp luật có liên quan như Luật tổ chức Viện kiểm sát, pháp luật tương trợ tư pháp... được quy định chưa đồng bộ cũng gây khó khăn cho người tham gia tố tụng trong đó có Kiểm sát viên thực hiện chức năng THQCT trong xét xử phúc thẩm.

Ngoài ra, thực tế hiện nay, theo lịch xét xử của Tòa phúc thẩm, trong một buổi sáng (từ 08 giờ đến 11 giờ 30 phút) hoặc buổi chiều (từ 14 giờ đến 17 giờ) số vụ án phúc thẩm đưa ra xét xử từ 04-06 vụ, thậm chí tháng cao điểm lên đến 08 vụ, cộng thêm việc số lượng Kiểm sát viên phụ trách THQCT trong xét xử phúc thẩm thiếu nên đôi khi một Kiểm sát viên sẽ phải tham gia xét xử từ 04-06 vụ. Điều đó dẫn đến thời gian xét xử bị hạn chế nên nhiều vụ án Kiểm sát viên tiến hành hỏi

mang tính hình thức, chưa làm rõ được các tình tiết quan trọng của vụ án, đặc biệt là ở giai đoạn phúc thẩm thường xuất hiện các tình tiết mới.

2.2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Năng lực của Kiểm sát viên

Năng lực chuyên môn, ý thức trách nhiệm của một số ít Kiểm sát viên làm công tác THQCT, KSĐT, KSXX còn có những mặt hạn chế nhưng lại thiếu tự giác rèn luyện học hỏi, đúc kết kinh nghiệm vận dụng trong thực tiễn. Một số Kiểm sát viên năng lực thực hiện nhiệm vụ chưa tương xứng với trình độ được đào tạo, phương pháp làm việc của Kiểm sát viên (đối với Kiểm sát viên lâu năm) thường làm theo lối cũ, chậm đổi mới. Số Kiểm sát viên mới được bổ nhiệm làm công tác xét xử ngoài việc được đào tạo, trang bị đầy đủ kiến thức nghề nghiệp, kiến thức pháp luật thì chưa có được sự tích lũy kinh nghiệm trong nhiều năm nên còn nhiều mặt hạn chế về khả năng diễn đạt, tổng hợp, phân biện... Có Kiểm sát viên chưa nắm vững, vận dụng chính xác các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và các pháp luật khác có liên quan dẫn đến lúng túng trong đánh giá tính chất, hậu quả của tội phạm, trong việc tổng hợp, phân tích, đánh giá chứng cứ đối với vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác có nhiều bị cáo, các mối quan hệ dân sự cần giải quyết.

Trách nhiệm của Kiểm sát viên chưa cao, chưa thực hiện đầy đủ các thao tác nghiệp vụ như nghiên cứu hồ sơ không kỹ, không khách quan, toàn diện, không nắm đầy đủ các tình tiết, chứng cứ buộc tội, gỡ tội nên không phát hiện những mâu thuẫn của chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác như cấp sơ thẩm tiến hành giám định thương tích qua hồ sơ khi bị hại còn sống và không mất tích. Những sai sót này của Kiểm sát viên ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác. Một số ít Kiểm sát viên còn chưa nhận thức đầy đủ hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là yêu cầu bắt buộc được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự. Theo nguyên tắc thì cần “trọng chứng hơn trọng cung” tuy nhiên, có Kiểm sát viên quá coi trọng các chứng cứ do

Cơ quan điều tra thu thập và đã được Viện kiểm sát cấp sơ thẩm KSĐT, cho rằng các chứng cứ này có độ tin cậy và chuẩn xác hơn vì vậy ít chú trọng đến những lời khai tại phiên tòa hoặc các tình tiết quan trọng và chứng cứ mà luật sư bào chữa đưa ra tại phiên tòa để đưa vào bài phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên.

Đối với người bào chữa tham gia phiên tòa chỉ định thường dành ít thời gian cho việc nghiên cứu hồ sơ, tính tranh tụng chưa cao nên Kiểm sát viên chưa có sự cọ sát nhiều, thường lúng túng, bị động trong tranh tụng. Đối với các phiên tòa không có sự tham gia của người bào chữa, bị cáo sẽ trực tiếp trình bày ý kiến tranh luận để tự bào chữa, tuy nhiên bị cáo thường chỉ nêu những tình tiết có lợi mới (như khắc phục hậu quả, người bị hại bãi nại...) và xin được giảm nhẹ hình phạt hoặc hưởng án treo nên phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm của Kiểm sát viên chưa đáp ứng yêu cầu. Bên cạnh đó, việc nhà nước trao cả quyền công tố lẫn quyền KSXX tại phiên tòa cho Kiểm sát viên thường gây tâm lý “bề trên” cho Kiểm sát viên, không tôn trọng, chú ý lắng nghe ý kiến của người bào chữa, đôi khi trong lúc tranh tụng còn có những lời nói, hành động áp đặt đối với người bào chữa, không thể hiện đúng tinh thần tranh tụng, mặc dù Kiểm sát viên và người bào chữa đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tranh tụng, tranh luận dân chủ trước Tòa án. Bản án được Tòa tuyên trên cơ sở kết quả tranh tụng dân chủ, công khai tại phiên tòa. Nội dung cơ bản của tranh tụng là bảo đảm sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa, phân định rõ ba chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử trong phiên tòa xét xử vụ án hình sự.

Kiểm sát viên không nắm chắc hoặc không cập nhật kịp thời, đầy đủ các quy định của BLHS, BLTTHS và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án nên khi đưa ra quan điểm giải quyết vụ án, một số Kiểm sát viên chỉ dựa vào kinh nghiệm để nói, mặc dù quan điểm đó có thể chính xác, nhưng vì không có căn cứ pháp lý vững chắc, nên chưa thực sự thuyết phục.

- Tổ chức, quản lý

Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đơn vị đối với việc kiểm tra Kiểm sát viên làm công tác THQCT và KSXX án hình sự trong việc thực hiện

thao tác nghiệp vụ không thường xuyên nên không phát hiện được những thiếu sót của Kiểm sát viên trong quá trình chuẩn bị tham gia phiên tòa để uốn nắn kịp thời.

Việc bồi dưỡng về các kỹ năng (kỹ năng xét hỏi, kỹ năng đối đáp tranh luận tại phiên tòa, kỹ năng viết phát biểu quan điểm...) cho Kiểm sát viên THQCT trong xét xử phúc thẩm án hình sự chưa được thực hiện, tài liệu để nghiên cứu, tham khảo vận dụng ở khâu công tác xét xử phúc thẩm còn ít, như trong những năm gần đây kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ của Viện KSND tối cao chưa có khóa học nào dành cho Kiểm sát viên làm công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm án hình sự, chủ yếu chỉ ưu tiên đào tạo các nghiệp vụ THQCT, KSĐT, KSXX ở cấp sơ thẩm.

Sự phối hợp giữa hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm trong công tác THQCT trong những năm gần đây đã có sự chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, thông tin giữa hai cấp vẫn chưa được trao đổi thường xuyên nên dẫn đến chất lượng kháng nghị phúc thẩm của cấp tỉnh còn nhiều mặt hạn chế. Ở cấp sơ thẩm, mặc dù không bắt buộc thỉnh thị ý kiến cấp phúc thẩm việc có kháng nghị hay không, song việc này có ý nghĩa quan trọng giúp hai cấp thống nhất nhận thức chung trong việc có căn cứ hay không để kháng nghị, việc trao đổi này xuất phát từ việc Kiểm sát viên ở cấp phúc thẩm sẽ là người THQCT đối với những vụ án có kháng nghị tại phiên tòa, là người bảo vệ hoặc rút kháng nghị này.

Bên cạnh đó, theo người viết việc đặc chỉ tiêu nghiệp vụ của ngành đối với tỷ lệ số lượng kháng nghị (được xác định trên số án bị cấp phúc thẩm sửa và hủy án) là không hợp lý, gây áp lực cho người trực tiếp làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Theo thống kê các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác tại cấp phúc thẩm, hầu hết việc sửa án là do có tình tiết mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm (khắc phục hậu quả, diễn biến tình hình sức khỏe của bị cáo hoặc diễn biến tình hình gia đình của bị cáo), nên không thể coi việc sửa này là lỗi của cấp sơ thẩm cũng như của cấp phúc thẩm phải kịp thời kháng nghị phúc thẩm. Mặt khác, số lượng án cũng như mức độ, trình độ giải quyết án của cấp sơ thẩm ở mỗi địa phương là khác nhau, nên không thể cho rằng địa phương nào có nhiều kháng nghị là tốt và có ít kháng nghị là không hoàn thành chỉ tiêu nghiệp vụ.

Đặc biệt, trong điều kiện mới được thành lập như một cấp mới theo tinh thần cải cách tư pháp và tiếp nhận khối lượng công việc lớn từ Viện kiểm sát cấp tỉnh và Viện kiểm sát tối cao theo quy định mới kèm theo đó là bộ máy tổ chức còn chưa hoàn thiện, số lượng Kiểm sát viên cao cấp thực hành quyền công tố không đáp ứng được số lượng án phải giải quyết và không thể chuyên môn hóa, chất lượng thực hành quyền công tố đối với án xâm phạm tính mạng sức khỏe đang là một vấn đề đặt ra. Với điều kiện khối lượng công việc lớn khi phải giải quyết án của 23 tỉnh thành khu vực phía Nam- khu vực có lượng án cao nhất cả nước và nhân lực chỉ có một phần hai so với biên chế, mỗi cán bộ của Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phải đảm đương nhiệm vụ nghiên cứu giải quyết gấp đôi số án so với bình thường, từ đó dẫn đến áp lực về thời hạn nghiên cứu án và ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu trong giai đoạn trước khi xét xử phúc thẩm. Bên cạnh đó, việc Kiểm sát viên nghiên cứu vụ án và Kiểm sát viên tham gia xét xử không đảm bảo là một người dẫn đến có sự không thống nhất về quan điểm giải quyết vụ án và phải báo cáo án cho Lãnh đạo viện nếu trái quan điểm, cũng như tạo tâm lý chủ quan, lơ là và thiếu trách nhiệm của người nghiên cứu án khi cho rằng chỉ cần lập hồ sơ kiểm sát mà không xem xét giải quyết đúng quy trình vì nếu có sai sót thì người xét xử phải báo án lại và chịu trách nhiệm chính về đường lối giải quyết vụ án.

Kết luận chương 2

Từ việc nghiên cứu thực trạng THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác từ năm 2013 đến năm 2017 tại địa bàn 23 tỉnh khu vực phía Nam, công tác này đã đạt chất lượng, hiệu quả nhất định, đảm bảo pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo đảm quyền dân chủ của công dân, tăng cường pháp chế XHCN.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được hoạt động THQCT trong giai đoạn này vẫn còn tồn tại những hạn chế chủ yếu như số lượng và chất lượng kháng nghị chưa cao, các Kiểm sát viên còn nhiều hạn chế trong kỹ năng tham gia phiên tòa phúc thẩm, trong đó chủ yếu là kỹ năng xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa dẫn đến

chất lượng THQCT bị hạn chế. Các hạn chế này do năng lực trình độ và ý thức trách nhiệm của một số Kiểm sát viên chưa cao, mặt khác một số quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động này còn bất cập, việc hướng dẫn, giải thích để áp dụng pháp luật còn chậm và thiếu đồng bộ dẫn đến khi vận dụng vào thực tiễn còn gặp nhiều khó khăn.

Chương 3

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ PHÚC THẨM CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE CỦA CON NGƯỜI

3.1. Hoàn thiện pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người

Giải pháp tiên quyết để bảo đảm THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác là giải pháp về hoàn thiện pháp luật. Theo đó, những quan điểm chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cần được thể chế hóa cụ thể qua trong các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, đặc biệt là các văn bản liên quan đến pháp luật hình sự, pháp luật TTHS.

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự

Đề BLTTHS trở thành công cụ sắc bén trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần thực hiện các mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị, BLTTHS năm 2015 đã ban hành hoàn thiện một số nội dung bắt cập ở BLTTHS 2003, tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề bắt cập cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

Thứ nhất, bổ sung quy định Viện kiểm sát xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật ở cấp phúc thẩm theo hướng:

- Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xem xét quyết định việc xác minh thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật theo thẩm quyền. Viện kiểm sát nơi nhận được yêu cầu xác minh phải chủ động phối hợp, tạo điều kiện cho Viện kiểm sát có yêu cầu tiến hành xác minh được thuận lợi.

- Khi có kế hoạch xác minh được lãnh đạo Viện kiểm sát phê duyệt, Kiểm sát viên có thể tự mình hoặc yêu cầu Viện kiểm sát cấp dưới xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự như: lấy lời khai bị cáo, bị hại, người làm chứng, đương sự; tổ chức đối chất, xem xét lại hiện trường; đề nghị giải thích kết luận giám định, định giá tài sản và thực hiện những biện pháp điều tra khác để làm rõ những tình tiết của vụ án trong thời hạn xét xử phúc thẩm hoặc trong thời hạn tạm ngừng phiên tòa. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật phải được lập biên bản; trường hợp cần thiết có thể chụp ảnh, ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Chứng cứ, tài liệu, đồ vật thu thập được có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án phải chuyển cho Tòa án để đưa vào hồ sơ vụ án và sao chụp để lưu hồ sơ kiểm sát.

- Đối với những vấn đề không thể xác minh, thu thập bổ sung được thì Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét quyết định việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Thứ hai, bổ sung Điều 342 BLTTHS năm 2015 những nội dung sau:

- Trường hợp trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới thì phải có văn bản trao đổi với Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới; nếu Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới không nhất trí thì Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị do Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sau phiên tòa, Kiểm sát viên báo cáo ngay với lãnh đạo Viện kiểm sát và thông báo cho Viện kiểm sát đã kháng nghị biết.

3.1.2. Hoàn thiện các văn bản pháp luật khác

Bên cạnh hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự, pháp luật TTHS thì hoàn thiện về Luật tổ chức Viện KSND đang đặt ra cũng là vấn đề rất cấp bách và quan

trọng. Trên cơ sở đề án tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của Viện KSND theo yêu cầu cải cách tư pháp và BLTTHS đã được sửa đổi, bổ sung cần phải hoàn thiện Luật tổ chức Viện KSND nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật cũng như yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp và đòi hỏi của thực tiễn. Luật tổ chức Viện KSND phải trên cơ sở kế thừa phát huy những kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của Viện KSND, khắc phục những khó khăn trước đây của Viện kiểm sát. Theo đó, Viện kiểm sát cần hoàn thiện hệ thống Viện KSND theo cơ cấu ngành dọc đảm bảo tính độc lập trong công tác chuyên môn (độc lập cả công tác chuyên môn nghiệp vụ lẫn công tác Đảng, đoàn thể), điều đó mới đảm bảo cho Viện kiểm sát thực hiện có hiệu quả chức năng THQCT một cách cao nhất. Việc quy định chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát cũng cần phải bảo đảm phù hợp chức năng của các ngành liên quan, tiến hành đồng bộ về hoạt động và tổ chức của cả hệ thống cơ quan tư pháp

Ngoài việc hoàn thiện các Bộ luật, Luật nêu trên cần hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật như các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, các Thông tư liên tịch... đồng thời hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự với các công tác khác trong ngành kiểm sát như công tác THQCT và KSĐT, công tác giải quyết tin báo, tố giác tội phạm.

3.2. Tăng cường biện pháp triển khai thực hiện các quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người

3.2.1. Hướng dẫn kịp thời và đồng bộ việc áp dụng các đạo luật

BLTTHS năm 2015 ban hành đã có rất nhiều thay đổi nhằm đáp ứng việc hoàn thiện công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, trong đó có công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác. Trong các bất cập mà người viết đã nêu trong phần thực trạng, BLTTHS năm 2015 đã có những điểm mới khắc phục được phần nào những bất cập này:

Trên cơ sở quy định về thẩm quyền của 04 cấp Tòa án trong Luật tổ chức TAND năm 2014, song song là 04 cấp Viện kiểm sát trong Luật tổ chức Viện KSND, BLTTHS 2015 quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, quân sự Tòa án quân sự cấp quân khu và Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự Trung ương. Mặt khác, BLTTHS năm 2015 quy định theo hướng Viện trưởng Viện KSND có thẩm quyền quyết định đường lối giải quyết vụ án, quy định cụ thể về chức năng quản lý của Viện trưởng, quy định cụ thể về việc tăng thẩm quyền của Kiểm sát viên ở một số công tác sẽ tạo điều kiện cho Kiểm sát viên chủ động, độc lập và thực hiện đầy đủ thẩm quyền tố tụng, đảm bảo quyền hạn đi đôi với trách nhiệm.

Để đảm bảo việc THQCT tại các phiên tòa xét xử phúc thẩm, đáp ứng yêu cầu Viện kiểm sát cấp phúc thẩm phải nghiên cứu hồ sơ vụ án, tạo điều kiện hơn nữa cho Kiểm sát viên thực hiện chức năng THQCT, BLTTHS năm 2015 đã có quy định tại điều 341 về việc Tòa án cấp phúc thẩm gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp và quy định về thời hạn nghiên cứu hồ sơ của Viện kiểm sát, quy định thời hạn Tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án, chứng cứ, tài liệu đồ vật, tài liệu bổ sung cho Viện kiểm sát cùng cấp trong trường hợp có chứng cứ mới do đương sự bổ sung và BLTTHS 2015 quy định Tòa án cấp phúc thẩm gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, lịch phiên tòa cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người liên quan. Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm chặt chẽ về thời gian trong quy trình “Chuẩn bị xét xử phúc thẩm” thống nhất với quy trình của “Chuẩn bị xét xử sơ thẩm”. Đồng thời, bảo đảm cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người tham gia tố tụng có thời gian cần thiết để chuẩn bị tham gia phiên tòa phúc thẩm.

Để những quy định có tính đột phá nêu trên nhanh chóng đi vào cuộc sống cần bảo đảm BLHS, BLTTHS được thi hành thống nhất, đồng bộ, kịp thời và hiệu quả trên phạm vi cả nước khi chính thức có hiệu lực, hạn chế đến mức thấp nhất những vướng mắc, bất cập phát sinh. Để làm được điều này cần quán triệt áp dụng những quy định mới của BLTTHS năm 2015 về mặt trình tự và BLHS năm 2015 về mặt nội dung, đồng thời kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản hướng dẫn thi hành các Bộ luật này để đảm bảo áp dụng thống nhất, phù hợp và

đúng pháp luật. Chính phủ cần phối hợp với TAND tối cao, Viện KSND tối cao và các cơ quan liên quan tổ chức việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác THQCT nói chung và THQCT trong xét xử phúc thẩm nói riêng; từ đó kịp thời hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với BLHS, BLTTHS năm 2015 như sửa đổi Nghị quyết 05/2015/NQ- HĐTP. Bảo đảm các văn bản hướng dẫn, các văn bản sửa đổi, bổ sung có tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản luật quy định chi tiết.

3.2.2. Tăng cường tập huấn, quán triệt các đạo luật

Bên cạnh việc ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, hoạt động triển khai thực hiện các bộ luật trên còn dựa vào một số biện pháp cụ thể: tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ, các khóa đào tạo cho cán bộ, Kiểm sát viên về công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm, về nội dung các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác; chỉ dẫn và thực hiện các đường lối giải quyết khiếu nại trong một số phiên tòa xét xử phúc thẩm về các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe cụ thể... Tập trung tổ chức tuyên truyền, phổ biến về BLHS, BLTTHS năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nhất là những quy định liên quan đến trách nhiệm của Viện kiểm sát khi thực hiện chức năng theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 nhằm nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức cho đội ngũ Kiểm sát viên làm công tác quản lý, Kiểm sát viên trực tiếp THQCT. Biên soạn tài liệu, tổ chức tập huấn chuyên sâu về BLHS, BLTTHS năm 2015 cho lực lượng Kiểm sát viên trực tiếp làm công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự. Nội dung các quy định pháp luật mới ban hành được tập huấn phải đảm bảo kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Để đạt được mục đích của việc quán triệt, triển khai nội dung của cả hai đạo luật phải đảm bảo việc quán triệt, triển khai không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết các nhiệm vụ thường xuyên, tránh gây áp lực vì phải nghiên cứu cùng một lúc nhiều nội dung dẫn đến hiệu quả tiếp thu thấp. Đặc biệt chú trọng việc yêu cầu các Kiểm sát viên tự nghiên cứu bên cạnh các buổi triển khai, quán triệt tập trung. Với

hình thức tự nghiên cứu, trước hết, yêu cầu Kiểm sát viên ở cấp phúc thẩm phụ trách THQCT tự nghiên cứu BLHS, BLTTHS, các Nghị quyết liên quan, cũng như các loại Công văn quy định về vấn đề này.

3.3. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người

3.3.1. Nâng cao ý thức trách nhiệm của Kiểm sát viên làm nhiệm vụ THQCT và KSĐT các vụ án hình sự

Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cần tập trung trước tiên và chủ yếu từ giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Mà một trong những nhiệm vụ, quyền hạn tỏ rõ quyền lực mạnh của công tố trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát được pháp luật giao đó là đề ra bản yêu cầu điều tra. Đây là công cụ quan trọng giúp cho việc điều tra được toàn diện, khách quan, đúng quy định của pháp luật. Về cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, chỉ khi nào Kiểm sát viên bám sát tiến độ điều tra của Điều tra viên, kịp thời ban hành bản yêu cầu điều tra có chất lượng và kiểm sát chặt chẽ việc thực hiện các yêu cầu Điều tra viên và Cơ quan điều tra thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời văn bản này thì việc xử lý sẽ hạn chế đến mức thấp nhất việc xảy ra hủy án để điều tra lại do vi phạm thủ tục tố tụng.

3.3.2. Nâng cao ý thức trách nhiệm của Kiểm sát viên làm nhiệm vụ THQCT trong xét xử phúc thẩm

Đây là giải pháp người viết xác định là vấn đề đầu tiên, xuyên suốt cả quá trình THQCT của Kiểm sát viên. Giải pháp này mà có ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng công tác của Kiểm sát viên. Một thực tế cho thấy, nếu Kiểm sát viên làm việc đầy đủ trách nhiệm, tận tâm trong công việc, có đức tính cẩn thận, tỷ mỉ... thì hạn chế tồn tại, thiếu sót, ít để xảy ra sai phạm. Ngược lại, nếu ý thức trách nhiệm thấp, làm việc qua loa, đại khái thì dễ dẫn đến việc xảy ra sai phạm. Trách nhiệm của Kiểm sát viên tại nội dung này được hiểu như sau:

Trước hết, cần nhận thức trách nhiệm chính đảm bảo cho việc THQCT trong xét xử phúc thẩm đúng thuộc về Viện kiểm sát, trong đó chủ thể là Kiểm sát viên. Những sai sót, tồn tại trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm nhưng không được phát hiện, xử lý hoặc không có kháng nghị thì có phần trách nhiệm của Kiểm sát viên. Trách nhiệm trong trường hợp nêu trên gắn với những việc làm cụ thể. Yêu cầu đặt ra cho Kiểm sát viên là thực hiện đúng các Quy chế nghiệp vụ của Viện KSND tối cao đã ban hành và các Quy chế khác của Viện KSND các cấp thì sẽ hạn chế đến mức thấp nhất việc xảy ra sai phạm. Yêu cầu trách nhiệm còn đòi hỏi Kiểm sát viên làm việc tận tâm, bản khoăn, trấn trở trước các nội dung tham mưu kháng nghị, tham mưu quan điểm giải quyết vụ án. Khi thực hiện nhiệm vụ phải đặt ra hàng loạt câu hỏi và tự giải đáp về việc tham mưu của mình: làm như vậy đã đúng chưa? có gì còn sai sót, cần bổ sung, cần khắc phục không?...

Vai trò của việc cẩn thận, tỉ mỉ, chi tiết có ý nghĩa rất quan trọng trong khi xác định trách nhiệm. Chống thái độ làm việc hời hợt, đại khái. Để kiểm tra hồ sơ, đánh giá chứng cứ, tham mưu đề xuất ý kiến về kháng cáo, kháng nghị... Kiểm sát viên phải đọc hồ sơ cẩn thận, ghi chép đầy đủ, cụ thể thì mới tránh được sai sót. Đối tượng xử lý trong các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác liên quan đến thân phận con người, nếu không thận trọng thì dễ xảy ra việc gây thiệt hại đến các quyền lợi chính đáng của họ.

- Yêu cầu đối với Kiểm sát viên trước khi xét xử phúc thẩm

- + Về việc chuẩn bị công tác THQCT tại phiên tòa phúc thẩm: Ở trên, chúng ta đã nêu việc điều tra, thu thập chứng cứ là cơ sở quan trọng để truy tố, xét xử. Nên nhìn chung, toàn bộ diễn biến của hành vi phạm tội, động cơ phạm tội và các tình tiết khác về cơ bản đã thu thập trong hồ sơ vụ án, nên việc nghiên cứu hồ sơ vụ án là yếu tố quan trọng để làm tốt công tác THQCT ở giai đoạn xét xử phúc thẩm vì ở giai đoạn này Kiểm sát viên hoàn toàn làm việc với các giấy tờ của các quá trình tố tụng trước, hầu như không tiếp xúc với bị cáo trước khi ra phiên tòa phúc thẩm trừ trường hợp cấp phúc thẩm lấy lời khai để bổ sung chứng cứ còn thiếu. Nên có nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên mới nắm được nội dung kháng cáo,

kháng nghị, kết luận giám định pháp y về tỷ lệ thương tật, kết luận điều tra, cáo trạng, kết quả xét xử của cấp sơ thẩm, đánh giá được tình trạng của hồ sơ, còn có những nội dung, vấn đề nào chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc tuân thủ về thủ tục tố tụng như thế nào, có sai sót hoặc vi phạm pháp luật không. Hầu như các vụ án xảy ra sai phạm nhất là việc điều phản ánh trong hồ sơ vụ án. Trường hợp sai sót về tố tụng diễn ra tại phiên tòa do sự điều hành của Hội đồng xét xử và các chủ thể tham gia tố tụng khác dẫn đến phải hủy án là rất ít khi xảy ra.

Có nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên mới có đủ điều kiện dẫn các căn cứ, các chứng cứ, công bố lời khai của bị cáo, nhân chứng... khi tiến hành tranh tụng với luật sư và người bào chữa khác. Nếu không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án thì khi tranh luận với bị cáo, người bào chữa; viện dẫn các tài liệu được Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, phân tích, đánh giá bản cung, giá trị của lời khai nhân chứng và nêu cụ thể lời khai nào, của ai, số bút lục bao nhiêu... thì Kiểm sát viên dễ rơi vào trạng thái lúng túng, bị động. Hiện chưa có định nghĩa về thế nào là nghiên cứu “kỹ”. Tuy nhiên qua thực tiễn công tác, người viết thấy nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án là nghiên cứu đầy đủ, toàn diện, cụ thể tài liệu có trong hồ sơ. Có thể khái quát như sau: nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án yêu cầu Kiểm sát viên phải “thuộc” án, không chỉ nắm được toàn bộ nội dung vụ án như hành vi, diễn biến hành vi phạm tội, đối tượng phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và các tình tiết khác có liên quan đến việc xử lý vụ án để hệ thống được toàn bộ chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự... Khi cần thiết nhất trong quá trình tranh luận, Kiểm sát viên có thể tra cứu ngay trong tài liệu về vật chứng, lời khai của bị can; lời khai của nhân chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, các tài liệu và kết luận giám định khác (nếu có).

+ Về trình bày quan điểm về kháng cáo, kháng nghị

Để xác định một bản án như thế nào được coi là vi phạm cũng chưa được hướng dẫn, thêm vào đó mức hình phạt quy định ở các tội khá dài nên hình phạt tuyên thế nào là nhẹ hoặc nặng lại do ý thức chủ quan của người làm công tác tố tụng. Do vậy, để việc trình bày quan điểm tại phiên tòa đạt chất lượng, được HĐXX

chấp nhận cần phải cân nhắc kỹ trước khi xem xét hồ sơ kháng cáo, đặc biệt là hồ sơ kháng nghị, cẩn thận với các kháng nghị để lấy thành tích, cần tập trung phân tích kháng nghị những bản án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, áp dụng điều khoản BLHS không chính xác, mức án chênh lệch quá xa so với đề nghị của Viện kiểm sát, nếu kháng nghị không đúng, không đáp ứng yêu cầu thì chủ động đề xuất lãnh đạo Viện làm quyết định rút kháng nghị. Bên cạnh đó, Kiểm sát viên cần chú trọng những hồ sơ cấp sơ thẩm thu thập thiếu chứng cứ, mà xét thấy cấp phúc thẩm có thể bổ sung được thì đề xuất tiến hành thu thập để bổ sung chứng cứ ngay tại phiên tòa phúc thẩm, hạn chế tối thiểu các trường hợp hủy án để điều tra lại gây mất thời gian của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

- Yêu cầu đối với Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử phúc thẩm

Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 tiếp tục nhấn mạnh “Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp”. Như vậy, Nhà nước ta ra quyết tâm đẩy mạnh tranh tụng và xem đây là giải pháp quan trọng, tạo những bước cải cách về tư pháp. Theo đó, muốn thực hiện tranh tụng tốt thì cần làm tốt ngay từ quá trình xét hỏi quy định của BLTTHS, xét hỏi là thủ tục tố tụng tại phiên tòa nhằm kiểm tra công khai các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm rõ các mâu thuẫn (nếu có) của các chứng cứ cũng như để kiểm tra các chứng cứ mới được cung cấp tại phiên tòa. Về trình tự xét hỏi, Chủ tọa phiên tòa hỏi trước, đến các thẩm phán khác, sau đó là Kiểm sát viên và cuối cùng là những người tham gia tố tụng khác như Luật sư bào chữa...Do vậy khi đến lượt Kiểm sát viên tham gia xét hỏi thì có hai khả năng xảy ra: Khả năng thứ nhất là các thành viên HĐXX đã xét hỏi rất kỹ về các vấn đề của vụ án; khả năng thứ hai là HĐXX chỉ hỏi sơ sài, còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ. Vì vậy, cần xác định rõ việc Kiểm sát viên tham gia xét hỏi tại phiên tòa là để làm rõ những vấn đề của vụ án nhằm để có cơ sở bảo vệ (cũng là để kiểm tra) cho phát biểu quan điểm ở phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy về nguyên tắc, Kiểm sát viên có trách nhiệm tham gia xét hỏi để làm rõ những vấn đề mà HĐXX chưa hỏi, hoặc HĐXX đã xét hỏi nhưng chưa làm rõ, hoặc hỏi về những

vấn đề có mâu thuẫn giữa chứng cứ trong hồ sơ với lời khai tại phiên tòa mà chưa được làm rõ. Ngoài ra, Kiểm sát viên có thể xét hỏi để khái quát, tổng hợp lại và khẳng định lại các vấn đề đã được xét hỏi tại phiên tòa để làm cơ sở cho việc bảo vệ quan điểm của mình.

Trong tranh luận, Kiểm sát viên phải căn cứ kết quả thẩm vấn mà chủ động việc xử lý. Cần bình tĩnh lắng nghe lời bào chữa, ý kiến của các bên, ghi chép diễn biến phiên tòa, chú ý các câu hỏi của người bào chữa, của bị cáo từ đó nhanh chóng hình thành hướng tranh luận, đối đáp để tránh việc tranh luận không đi đúng trọng tâm. Kiểm sát viên vận dụng tổng hợp các quy định pháp luật, kiến thức và kinh nghiệm của mình trên cơ sở tài liệu, chứng cứ vụ án để đưa ra những lập luận, đối đáp. Việc tranh luận phải có trọng tâm, ngắn gọn, logic, tuyệt đối không vì ý kiến chủ quan mà có những lời lẽ không thuyết phục, không phù hợp văn hóa pháp đình. Nội dung tranh luận của Kiểm sát viên phải đạt độ chính xác cao khi viện dẫn đầy đủ các căn cứ pháp luật. Nhận xét hành vi bị cáo phải đúng thực tế khách quan, đảm bảo tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm. Đặc biệt, đối với các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, luật sư bào chữa thường tranh luận nhằm vào các tình tiết định khung tăng nặng như “dùng hung khí nguy hiểm”, “có tính chất côn đồ” để phản bác ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định này chưa có quy định cụ thể, nên việc Kiểm sát viên nắm chắc các nội dung của các tình tiết này, đưa ra các luận chứng đầy đủ để đối đáp, sẽ thuyết phục HĐXX hơn.

Tóm lại, người Kiểm sát viên làm công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm án hình sự cần phải tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiên cứu học hỏi, đúc kết kinh nghiệm và thường xuyên cập nhật văn bản và các kiến thức bổ trợ khác liên quan đến các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác để thực hiện tốt chức năng công tố được giao.

3.4. Giải pháp khác

3.4.1 Hoàn thiện tổ chức, quản lý, điều hành

Thực tế đã khẳng định vai trò, trách nhiệm và hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động nghiệp vụ của Lãnh đạo Viện kiểm sát trong công tác THQCT,

KSĐT, KSXX ở cả cấp sơ thẩm và phúc thẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả của công tác THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Qua nghiên cứu các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác có kháng cáo, kháng nghị đã đưa ra xét xử phúc thẩm, người viết nhận thấy công tác quản lý chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp tuy có nhiều chuyển biến nhưng vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sai phạm. Do vậy nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo, điều hành và tăng cường trách nhiệm của Lãnh đạo đối với cán bộ, Kiểm sát viên trong hoạt động THQCT, KSĐT, KSXX hình sự là yếu tố quan trọng nhằm hạn chế các sai lầm trong hoạt động nghiệp vụ dẫn đến Tòa án không chấp nhận kháng nghị hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại, cụ thể:

Thứ nhất, trong quá trình THQCT, Lãnh đạo Viện kiểm sát phải chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời và có chất lượng các văn bản pháp luật có liên quan và Quy chế nghiệp vụ do Viện KSND tối cao ban hành như Quy chế KSĐT, Quy chế KSXX và các văn bản hướng dẫn khác của Viện KSND tối cao, Viện KSND cấp tỉnh. Thực tế đã chỉ rõ rằng: nếu thực hiện đúng như các văn bản pháp luật có liên quan và Quy chế nêu trên thì chất lượng công tác THQCT sẽ đạt kết quả tốt, rất ít khi để xảy ra sai phạm nghiêm trọng. Qua kiểm tra, phân tích, phần lớn các vụ sai đều thực hiện không nghiêm túc các quy định nêu trong các văn bản pháp luật có liên quan và Quy chế như không sử dụng các nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi THQCT; không phân tích, đánh giá chứng cứ một cách đầy đủ, chi tiết nhất là đối với các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, cấp sơ thẩm chưa làm tốt việc xem xét về yêu cầu bồi thường; không phát hiện được các vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; không phát huy hết trách nhiệm của Kiểm sát viên khi thực thi nghiệp vụ.

Thứ hai, quản lý, chỉ đạo đi liền với công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và chỉ đạo rút kinh nghiệm kịp thời, nghiêm túc. Việc yêu cầu Viện trưởng, Phó Viện trưởng cấp sơ thẩm, Trưởng phòng cấp phúc thẩm phải đọc, nghiên cứu tất cả hồ sơ là điều không thể thực hiện được. Vai trò tham mưu thuộc trách nhiệm của Kiểm sát

viên. Tuy vậy, các Viện trưởng, Phó Viện trưởng cũng như Trưởng phòng phải có các biện pháp kiểm tra, yêu cầu báo cáo, thực hiện chất vấn...từng nội dung, vụ việc đề xuất của Kiểm sát viên. Thường xuyên yêu cầu Kiểm sát viên khi đề xuất, tham mưu xử lý các vụ việc phải có phiếu đề xuất hoặc bản báo cáo án, trong đó ghi rõ căn cứ, luận cứ, các tài liệu đã thu thập được và sự đánh giá của Kiểm sát viên về vấn đề đó. Phải tránh việc nêu chung chung, thiếu cụ thể trong khi phản ánh thông tin trong các phiếu đề xuất hoặc bản báo cáo án. Điều này cũng phần nào hạn chế việc Lãnh đạo chỉ đạo bằng “miệng” khi xảy ra sai phạm thì không nhận trách nhiệm mà để Kiểm sát viên tự chịu trách nhiệm.

Thứ ba, Lãnh đạo các đơn vị cần quan tâm đúng mức và giành thời gian để đọc hồ sơ, tài liệu. Đối với những vụ việc khó, có nhiều ý kiến khác nhau hoặc các vụ án gây hậu quả rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, án được dư luận xã hội quan tâm, án được cấp trên đưa vào diện chỉ đạo... thì các Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Trưởng phòng phải trực tiếp nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, tuyệt đối tránh việc quan liêu với quan niệm: làm lãnh đạo chỉ đạo qua báo cáo, không chịu đọc hồ sơ, tài liệu và cho rằng đọc, nghiên cứu, xây dựng hồ sơ là của Kiểm sát viên. Phải thấm nhuần quan điểm: càng tranh thủ đọc được nhiều hồ sơ vụ án thì công tác quản lý, chỉ đạo về mặt nghiệp vụ mới kịp thời và đạt chất lượng tốt, góp phần chống oan, sai khi điều tra, truy tố, xét xử.

Thứ tư, để đảm bảo khâu THQCT ở cấp phúc thẩm được thực hiện tốt, Kiểm sát viên trung cấp được giao thực hiện khâu này đòi hỏi phải có năng lực thực sự cả về chuyên môn, nghiệp vụ và xã hội. Để đạt được điều đó vai trò tổ chức cán bộ của Lãnh đạo Viện kiểm sát cần được phát huy đúng lúc. Việc tổ chức cán bộ cần phải mạnh dạn và kiên quyết trong việc luân chuyển cán bộ để phù hợp với năng lực thực sự của từng cá nhân Kiểm sát viên, tránh những thực tế hiện nay là sự điều chỉnh sắp xếp cán bộ dừng lại ở chỉ tiêu, số lượng, nặng về giải quyết chế độ chính sách mà chưa thực chất đi vào chất lượng cán bộ, Kiểm sát viên.

Thứ năm, đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, Kiểm sát viên là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hiệu quả công việc họ đảm nhận. Tuy

đã cải tiến được một bước nhưng chế độ tiền lương và phụ cấp nghề nghiệp đối với Kiểm sát viên còn thấp so với đặc thù hoạt động nghề nghiệp nên không đảm bảo các chi phí sinh hoạt tối thiểu hàng ngày cho họ, điều đó dẫn đến tình trạng nhiều Kiểm sát viên phải làm thêm các công việc khác nên không tập trung vào công tác chuyên môn, hoặc vì khó khăn nên dẫn đến tiêu cực nhận hối lộ. Vì vậy, việc hoàn thiện chế độ đãi ngộ nhằm đảm bảo cho cán bộ, Kiểm sát viên tập trung vào công việc phát huy được nhiệt tình say mê nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác và góp phần hạn chế, ngăn chặn tác động tiêu cực của xã hội với hoạt động thi hành công vụ của cán bộ, Kiểm sát viên.

Thứ sáu, Viện KSND tối cao và trường Đại học kiểm sát cần phải tổng kết, thông báo rút kinh nghiệm, xây dựng giáo trình chuyên sâu về thao tác của Kiểm sát viên làm công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm án hình sự (đặc biệt là vấn đề kháng nghị phúc thẩm và kỹ năng đối đáp tranh luận tại phiên tòa). Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác xét xử cho đối tượng là Kiểm sát viên THQCT trong xét xử phúc thẩm án hình sự đối với từng loại vụ án cụ thể trong đó có các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác nhằm trang bị cho Kiểm sát viên kỹ năng cơ bản, cần thiết để Kiểm sát viên có thể dựa vào đó thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3.4.2. Tăng cường quan hệ phối hợp trong ngành

Quan hệ phối hợp trong ngành không chỉ là giải pháp nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm mà đó còn là nguyên tắc tổ chức hoạt động của ngành kiểm sát nói chung khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ luật định. Việc xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa cấp trên và cấp dưới có ý nghĩa to lớn, sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp của nội bộ ngành giúp cho hoạt động THQCT trong xét xử phúc thẩm của Viện kiểm sát đạt hiệu quả tốt.

Phân định rõ nội dung, phạm vi của công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị nghiệp vụ Viện kiểm sát cấp trên với Viện kiểm sát cấp dưới, đặc biệt là giữa các Vụ nghiệp vụ Viện KSND tối cao và Viện kiểm sát cấp cao với Viện kiểm sát địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ đã được xác định

trong Luật tổ chức Viện KSND nhằm đảm bảo không trùng lặp, vừa khắc phục sự y lại cấp trên, vừa nâng cao trách nhiệm từng cấp kiểm sát. Đối với các vụ án do TAND cấp cao hủy án của Tòa án cấp tỉnh thì Kiểm sát viên cao cấp tham gia xét xử trực tiếp vụ án ban hành văn bản hướng dẫn điều tra, Kiểm sát viên này trực tiếp thực hiện công tác THQCT và KSXX vụ án trong giai đoạn phúc thẩm nên nắm chắc nội dung vụ án và các căn cứ hủy, đồng thời cũng để không bị chông chéo giữa các đơn vị trong công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ khi giải quyết lại vụ án.

Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo trong ngành, Viện kiểm sát cấp dưới phải gửi báo cáo, thống kê về hoạt động nghiệp vụ cho Viện kiểm sát cấp trên theo quy định, nhất là tình hình án hủy, sửa và quá trình giải quyết các vụ án phức tạp được dư luận quan tâm. Sau phiên tòa phúc thẩm, Viện KSND cấp cao phải gửi thông báo cho Viện KSND cấp tỉnh biết kết quả xét xử, những vi phạm, thiếu sót trong hoạt động tố tụng của cấp sơ thẩm để rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục; nâng cao chất lượng công tác hướng dẫn điều tra đối với các vụ án hủy để điều tra, xét xử lại. Các Viện KSND địa phương phải chuyển cáo trạng, kháng nghị và các văn bản tố tụng khác cho Viện KSND cấp trên khi có yêu cầu, nhằm phục vụ việc nghiên cứu, xét xử án phúc thẩm hoặc đề phục vụ báo cáo nhanh theo yêu cầu Viện KSND tối cao.

3.4.3. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành

Thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời gian qua đã chứng minh, để đảm bảo hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm thì điều thiết yếu không thể thiếu là mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; trong đó có mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát và Tòa án.

Viện kiểm sát phải phối hợp chặt chẽ với Tòa án để chủ động tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án, những vướng mắc về nhận thức pháp luật. Nhất là công tác chỉ đạo xét xử phúc thẩm đối với các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác có đông người tham gia, mang tính chất chuyên nghiệp ảnh hưởng nghiêm trọng về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã

hội và được dư luận quan tâm. Viện kiểm sát phải chủ động phối hợp với Tòa xây dựng hoàn chỉnh Quy chế phối hợp trong hoạt động xét xử phúc thẩm đảm bảo nguyên tắc phối kết hợp và chế ước trên cơ sở tôn trọng chức năng, nhiệm vụ của các ngành theo quy định của pháp luật, đảm bảo cho việc phối hợp được thực hiện chặt chẽ và phát huy hiệu quả cao.

Để đảm bảo cho việc phối hợp được thực hiện chặt chẽ và phát huy được hiệu quả thì Viện kiểm sát các cấp phải chủ động phối hợp với Tòa án để xây dựng được Quy chế phối hợp trong quá trình xét xử các vụ án hình sự, làm cơ sở để các bên căn cứ thực hiện. Nội dung phối hợp giữa Viện kiểm sát và Tòa án phải trên cơ sở tôn trọng chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên theo quy định của pháp luật, không được làm ảnh hưởng đến tính độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên. Do vậy, Quy chế phối hợp phải xác định rõ phạm vi, xác định cụ thể nội dung và các vấn đề mà hai cơ quan có trách nhiệm cùng nhau giải quyết trong xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, không nhấn mạnh quyền lợi của mỗi bên, không can thiệp vào những vấn đề làm ảnh hưởng đến tính độc lập của những người tiến hành tố tụng được phân công giải quyết vụ án đó.

Kết Luận chương 3

Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn đặt ra trong công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm vụ án hình sự các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, người viết nhận thấy những yêu cầu, đòi hỏi đặt ra đối với việc đổi mới, hoàn thiện quy định của pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm giúp cho Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng công tố trong giai đoạn này, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp thể hiện mạnh mẽ trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị như: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005; Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về công tác phòng chống vi phạm pháp luật và tội phạm và công tác thi hành án...

Theo chủ trương của nước ta, công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm cần nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả, đáp ứng ngày càng cao cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm bởi vì đây là giai đoạn cuối cùng của hai cấp xét xử, sau giai

đoạn này pháp luật sẽ chính thức được thi hành bằng một hình phạt cụ thể. Trong luận văn, để hoàn thiện công tác THQCT trong xét xử phúc thẩm, người viết đưa ra hệ thống các giải pháp bao gồm các giải pháp pháp lý và các giải pháp khác. Hiện nay, BLHS, BLTTHS năm 2015 đã được thông qua đã có hiệu thi hành về cơ bản đã giải quyết những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành. Tuy nhiên, vì mới được ban hành nên chưa có hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, ở khía cạnh giải pháp pháp luật người viết đặt ra giải pháp đầu tiên để đảm bảo cho quá trình áp dụng pháp luật trong việc thực hiện chức năng công tố là cần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Ngoài ra, với nhận thức để đảm bảo chất lượng công tác THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, thiết nghĩ cần áp dụng một cách đồng bộ các giải pháp khác bên cạnh giải pháp pháp luật để bảo đảm khắc phục toàn diện, đầy đủ những hạn chế, thiếu sót liên quan đến công tác này như nâng cao, thay đổi nhận thức trách nhiệm của cán bộ, Kiểm sát viên, thay đổi phương thức chỉ đạo điều hành, phương thức đào tạo, tổ chức cán bộ đối với cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố.

KẾT LUẬN

THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác là một hoạt động thực hiện chức năng của Viện kiểm sát trong TTHS và là một trong những hoạt động cuối cùng của Viện kiểm sát trong hai cấp xét xử các vụ án về xâm phạm sức khỏe của người khác; nhằm bảo đảm việc truy cứu TNHS và xét xử sơ thẩm đối với tội phạm này được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo nền pháp chế xã hội chủ nghĩa và bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Tình hình tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác ở khu vực phía Nam đã và đang diễn biến phức tạp. Tuy số lượng có giảm nhưng chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số tội phạm nhưng mức độ nguy hiểm ngày càng nghiêm trọng, gây hoang mang tâm lý cho người dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và ổn định chính trị của toàn khu vực. Trước tình hình đó, đặt ra yêu cầu phải tìm hiểu và nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đáp ứng được cả yêu cầu phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường xã hội lành mạnh, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội.

Nhà nước ta cũng đã quan tâm và tạo ra cơ chế để đảm bảo việc thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Từ khi được ban hành BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và BLTTHS năm 2003 về cơ bản đã đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ của Viện kiểm sát ở nhiều giai đoạn, trong đó có giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác. Tuy nhiên, qua thực tiễn thi hành các bộ luật này còn bộc lộ một số bất cập, vướng mắc làm cho kết quả của công tác THQCT của Viện kiểm sát chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Cũng vì lẽ đó, năm 2015 Quốc hội đã ban hành các BLHS, BLTTHS sửa đổi, bổ sung trong đó chú trọng khắc phục những bất cập, tồn tại liên quan đến nội dung của nhóm tội xâm phạm sức khỏe của người khác bảo đảm tính minh bạch, cụ thể hóa về dấu hiệu nhận biết tội phạm tránh những mâu thuẫn trong nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng; và những khó khăn, bất cập liên quan đến trình tự, thủ tục THQCT bảo đảm việc phản ánh đầy đủ vị trí của ngành Kiểm

sát trong hoạt động tố tụng, tạo điều kiện cần thiết nhất cho việc thực hiện nhiệm vụ của ngành một cách có hiệu quả.

Trong 5 năm qua (từ 2013 đến 2017), hoạt động THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác tại địa bàn khu vực phía Nam bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; đã khắc phục được nhiều tồn tại, thiếu sót trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm nhờ đó hạn chế án hủy và không để xảy ra tình trạng oan, sai. Tuy nhiên, so với yêu cầu cải cách tư pháp, yêu cầu của Hiến pháp năm 2013 thì công tác THQCT của Viện kiểm sát còn nhiều hạn chế, vi phạm. Những hạn chế, vi phạm đó xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau. Các nguyên nhân đó có thể phát sinh do những vướng mắc, bất cập từ khía cạnh pháp luật, hoặc cũng có thể do năng lực nội tại của đội ngũ cán bộ làm công tác THQCT, năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Viện kiểm sát...

Để thực hiện tốt hơn hoạt động THQCT trong xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác, người viết đã đưa ra một số giải pháp cụ thể về pháp luật và các giải pháp về con người. Trong đó, đầu tiên người viết nhấn mạnh đến việc hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự, TTHS tạo nền tảng vững chắc cho việc thực thi trên thực tế, bên cạnh đó cũng cần tập trung triển khai thi hành và hướng dẫn việc áp dụng các đạo luật mới về lĩnh vực hình sự được Quốc hội ban hành và có hiệu lực trong một thời gian nữa. Tiếp theo, người viết nêu ra một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực, nhận thức của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Viện; chủ động phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác một cách hiệu quả, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm, tạo được niềm tin trong nhân dân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hòa Bình (2015), *Những nội dung mới trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Dương Thanh Biểu (2008), *Tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm*, Nxb Tư pháp.
3. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 về nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 25 tháng 5 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
6. Lê Văn Cẩm (2011), *Hoàn thiện nguyên tắc tranh tụng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí kiểm sát, (số 13), tr.42-45.
7. Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
8. Lê Tiến Châu (2009), *Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Trẻ.
9. Đỗ Văn Dương (2006), *Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, (số 7), tr.6-13.
10. Nguyễn Thị Phương Hoa- Phan Anh Tuấn (2017), *Bình luận khóa học Những điểm mới của BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)*, Nxb Hồng Đức.
11. Lê Thị Tuyết Hoa (2006), *Thực hành quyền công tố*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
12. Học viện Tư pháp (2006), *Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
13. Lê Thanh Hùng (2006), “*Rút kinh nghiệm qua một số vụ án xét xử phúc thẩm theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị*”, Tạp chí kiểm sát, (số 8), tr.39-43.

14. Nguyễn Thị Lan Hương (2012), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Viện KSND*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.

15. Huỳnh Minh Khởi (2015), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.

16. Hà Như Khuê (2009), *Chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên Viện KSND tối cao trong xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học.

17. Võ Thị Hoàng Ly (2017), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các vụ án xâm phạm sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Định*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.

18. Võ Thị Kim Oanh (2016), *Bình Luận những điểm mới cơ bản của BLTTHS 2015*, Nxb Hồng Đức.

19. Nguyễn Hải Phong (2014), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

20. Trần Thị Phượng (2016), *Thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của con người từ thực tiễn tỉnh Bình Định*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.

21. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009)*, Nxb Chính trị quốc gia.

22. Quốc hội (2017), *Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi)*, Nxb Chính trị quốc gia.

23. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia.

24. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia.

25. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia.

26. Quốc hội (2013), *Luật tổ chức Viện KSND năm 2014*, Nxb Chính trị quốc gia.
27. Hoàng Thị Minh Sơn (2009), *Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự nhằm nâng cao hiệu quả xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Đại học Luật Hà Nội.
28. Phan Văn Sơn (2012), *Một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và kiến nghị sửa đổi, bổ sung*, Tạp chí kiểm sát (số 21), tr.55-59.
29. Lê Hữu Thê - Đỗ Văn Đương - Nguyễn Thị Thủy (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. Lê Hữu Thê (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb tư pháp, Hà Nội.
31. Lê Hữu Thê (chủ biên), Đỗ Văn Đương, Nông Xuân Trường(2008), *Quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Hà Nội.
32. Phạm Thị Thủy, *Đôi điều rút ra qua công tác kiểm sát điều tra các vụ án có ý gây thương tích của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương*, Tạp chí kiểm sát (số 19).
33. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định phần thứ tư “Xét xử phúc thẩm” của Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
34. Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình công tác kiểm sát*, Nxb. Công an nhân dân, tập 1.
35. Huỳnh Thanh Tuấn (2014), *“Kiểm sát điều tra các vụ án có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định”*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.
36. Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Từ điển bách khoa - Nxb Tư pháp, Hà Nội.
37. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2009), *Sổ tay Kiểm sát viên*, Hà Nội.

38. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2013*, Tp. Hồ Chí Minh.
39. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2014*, Tp. Hồ Chí Minh.
40. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2015*, Tp. Hồ Chí Minh.
41. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2016*, Tp. Hồ Chí Minh.
42. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2017*, Tp. Hồ Chí Minh.
43. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Sổ tay Kiểm sát viên hình sự*, Tập I, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
44. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Quy chế số 960/2007/QĐ-VKSTC, Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, ban hành kèm theo quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007*.
45. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), *Quy chế số 505/QĐ-VKSTC, Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, ban hành kèm theo quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017*.
46. Viện ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
47. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Chỉ thị số 04/VKSTC-CT ngày 10 tháng 7 năm 2015*.
48. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
50. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
51. Trần Thị Quang Vinh (2011), *Tập bài giảng Luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm*.
52. Ngô Thanh Xuyên (2012), “*Bàn về căn cứ kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hình sự*”, *Tạp chí kiểm sát*, (số 22), tr.52-55.